ÔN TẬP HÈ TOÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 4 LÊN 5

Toán

ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN

Bài 1.Viết các số tự nhiên sau:

a. Ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm lẻ hai:……..

b. Một triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm tám mươi:……..

c. a nghìn b chục :…….

Bài 2 Đọc các số tự nhiên sau:

200321

1002405

20020

Bài 3: Phân tích số tự nhiên sau: 1234; 56827; 262056; 98345 thành:

a. Các nghìn, trăm, chục, đơn vị:

b. Các trăm và đơn vị

c. Các chục và đơn vị

Bài 4: Số tự nhiên X gồm mấy chữ số

X có chữ số hàng cao nhất thuộc hàng nghìn:

X có chữ số hàng cao nhất thuộc lớp nghìn:

X đứng liền sau một số có ba chữ số:

X đứng liền trước một số có ba chữ số:

Bài 5: Tìm X là số bé nhất thỏa mãn:

X ở giữa 5 và 15:

X lớn hơn 193:

X bé hơn 126:

Bài 6: Cho 3 chữ số 3, 5, 6. Hãy lập tất cả các số có hai chữ số từ ba chữ số trên.

Bài 7: Cho 4 chữ số 2, 5, 0, 6 . Hãy lập tất cả các số có ba chữ số khác nhau từ ba chữ số trên.

Bài 8:Tìm chữ số a biết:

a. $\overline{4567a}\,\overline{4567a} < 45671$:

b. $\overline{27a569}\,\overline{27a569} > 278569$:

Bài 9: Cho số 1960. Số này sẽ thay đổi như thế nào? Hãy giải thích?

a) Xoá bỏ chữ số 0:

b) Viết thêm chữ số 1 vào sau số đó:

c) Đổi chỗ hai chữ số 9 và 6 cho nhau:

Bài 10 : Tìm một số có hai chữ số, biết rằng khi viết thêm chữ số 4 vào bên trái số đó ta được số mới gấp 9 lần số phải tìm. (Giải bằng hai cách)

Bài 11:Tìm số có 4 chữ số, biết rằng nếu ta xóa đi chữ số tận cùng bên trái của số đó thì ta được số mới bằng $\frac{1}{17}\frac{1}{17}$ số phải tìm. Cho biết chữ số bị xóa là chữ số 2.

Bài 12 :Tìm các số tròn chục X biết

a.X < 50:

b.33 < X < 77:

Bài 13 : Tìm số tự nhiên X biết

a. X < 10 :

b. X là số có 2 chữ số và X > 95:

Thứ ba ngày ……. tháng ……. năm ……..

Tiếng Việt

ÔN TẬP: CẤU TẠO CỦA TIẾNG; TỪ ĐƠN, TỪ PHỨC

Bài 1: Ghi kết quả phân tích cấu tạo của từng tiếng của câu tục ngữ sau;

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Vào bảng sau:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh

Bài 2:Khoanh tròn số thứ tự những dòng phân tích đúng các bộ phận cấu tạo của tiếng.

TT	Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
1	Oan		oan	Ngang
2	Uống	u	ông	Sắc
3	Yến	y	ấn	Sắc
4	Oanh	o	Anh	Ngang
5	ương		ương	ngang

Các tiếng này có gì đặc biệt?

Bài 3: Những tiếng nào trong các câu thơ dưới đây không đủ 3 bộ phận: âm đầu, vần, thanh?

Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm
Nghĩ gì ông vẫn ngồi yên lưng đền…
...Bỗng đâu vang tiếng sấm rền
Tỉnh ra em thấy trong đền đỏ hương.

Bài 4:

Tìm từ có 2 tiếng trong các câu sau:

- Nụ hoa xanh màu ngọc bích.

- Đồng lúa rộng mênh mông.
- Tổ quốc ta vô cùng tươi đẹp.

Bài 5 :

Tìm các từ phức trong các kết hợp được in đậm dưới đây:

Vườn nhà em có rất nhiều loài hoa: **hoa hồng, hoa cúc, hoa nhài**,...Màu sắc của hoa cũng thật phong phú: **hoa hồng, hoa vàng, hoa trắng** ,...

Bài 6 :

Chép lại đoạn thơ sau rồi gạch 1 gạch dưới các từ phức:

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.

Bài7 :

Chỉ ra từng từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau:

Ơi quyển vở mới tinh
Em viết cho thật đẹp
Chữ đẹp là tính nết
Của những người trò ngoan.

Bài 8 :

Dùng gạch (/) tách từng từ và tìm từ phức trong các câu sau:

Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng , cái đầu tròn và 2 con mắt long lanh như thuỷ tinh ...Bốn cánh chú khẽ rung rung như còn đang phân vân.

Bài 9 :

Gạch 1 gạch dọc giữa 2 từ đứng cạnh nhau và tìm các từ phức trong đoạn văn sau:

Trời nắng chang chang. Hoa ngô xơ xác như cỏ may. Lá ngô quắt lại, rủ xuống. Những bắp ngô đã mập và chắc chỉ chờ tay người đến bẻ mang về.

Bài 10 :

Gạch 1 gạch dưới những từ 2 tiếng trong đoạn văn sau :

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi và gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc và toả ngát hương thơm.

Bài 11

Dùng (/) tách các từ và tìm từ phức trong đoạn văn sau :

Giữa vườn lá xum xuê, xanh mướt, còn ướt đẫm sương đêm, có một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát voà nhau như còn chưa muốn nở hết. Đoá hoa toả hương thơm ngát.

Bài 12: Dùng dấu gạch chéo để phân cách các từ trong đoạn thơ sau. Ghi lại các từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau.

Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha can mình

Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng, lại đa tình da mang.

Bài 13: Tìm từ đơn, từ phức trong câu nói dưới đây của Bác Hồ:

Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được đọc lập tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Chính tả

Phân biệt : r/d/gi vần ân/ âng

Viết chính tả

1. Đồng vàng vương chút heo may

Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim
Hạt mưa mải miết trốn tìm
Cây đào trước cửa lim dim mắt cười
Quét gom từng giọt nắng rơi
Làm thành quả-trăm mặt trời vàng mơ.
Tháng giêng đến tự bao giờ
Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào.

Đỗ Quang Huỳnh

2.

Gió còn ngủ tận thung xa
Để con chim ngủ la đà ngọn cây
Núi cao ngủ giữa tầng mây
Quả sim béo mọng ngủ ngay vệ đường
Bắp ngô vàng ngủ trên nương
Mệt rồi, tiếng sáo ngủ vườn trúc xinh
Chỉ còn dòng suối lượn quanh
Thức nâng nhịp cối thậm thình suốt đêm.

Quang Huy

Bài tập 1: *Điền* **gi/ d/ r** :

dạy …ỗ, ….ìu …ắt, ….áo dưỡng, ….ung ….inh, ….òn ….ã, dóng …ả, …ực rỡ, …ảng giải, ….óc rách, ….an …ối, …òng ….ã.

Bài tập 2: *Điền* **d/ r/ gi :**

- ….ây mơ rễ má.
- …út …ây động …ừng.
- ….ấy trắng mực đen.
- ….ương đông kích tây.
- ….eo gió gặt bão.
- ….ãi ….ó ….ầm mưa.
- ….ối ….ít tít mù.
- ….ốt đặc cán mai.
- ….anh lam thắng cảnh.

Bài tập 3: *Tìm những từ ngữ có chứa tiếng* ***rong, dong, giong*** *để phân biệt sự khác nhau giữa chúng.*

Bài tập 4: *Tìm 3-5 từ có chứa tiếng*: ***gia, da, rả, giả, dã, rã, dán, gián, dang, giang, danh, giành, rành, dành, giao, dò, dương, giương, rương.***

Thứ … ngày … tháng … năm 20…

Toán

Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

14672 + 35189 + 43267 345 + 543 + 708 + 647

815 + 666 + 185

Bài2: Tính giá trị của biểu thức

a.2407 x 3 + 12045 b. 30168 x 4 – 4782

c. 326871 +117205 x 6 d. 2578396 – 100407 x 5

Bài 3: Tính nhẩm

a.12 x 10 b.270 : 10

c. 34 x 100 d. 4300 : 100

e.560 x 1000 g.670000 : 1000

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a.4257+ 3268 + 743 b.6521 + 3205 + 743

c.789 + 464 + 211 + 536 c.3268 + 1743 – 268 +257

e.4273 – 2465 – 1535 g. 5021- 4658 + 658

h.25 x7 x4 x9 i.47 x2 x10 x50

n.9 x20 x6 x5 m.1677 + 1969 + 1323 + 1031

Bài 5: Tính bằng hai cách

a.123 x 5 x 2 b.2 x 3 x 4 x 5

c.2 x 34 x 5 d.20 x 6 x 5 x 7

e.28 x (7- 2) g.79 x 5 – 79 x 3

h.135 x (10 – 1) i. 564 x 10 – 564 x 8

Bài 6: tính bằng cách thuận tiện nhất

a.49 x 8 + 49 x 2 b.123 x 45 + 123 x 55

c.72 x 2 + 72 x 3 + 72 x 5 d.56 x 4 +56 x 3 + 56 x 2 + 56

e.(42 x 54 + 17 x 42) : 71 g.(123 x 154 – 65 x 123) : 89

h.789 x 101 – 789 i.(324 x 6 + 4 x 324) : (162 x 2)

Bài 7: Tìm x

a.X : 17 + 28= 432 b.435 – 72 : X =426

c. X x 12 + 95 = 229 d.X x 32 = 45 x X

Bài 8. Một cửa hàng lương thực nhập vào 75000 kg gạo. Trong 13 ngày đầu mỗi ngày bán được 1485 kg, 24 ngày sau mỗi ngày bán được 1672 kg. Hỏi sau 37 ngày bán cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

Bài 9. Bác Ba đem ra chợ bán 7 con gà và 6 con vịt, đồng thời bán giúp bác Tư 7 con gà và 4 con vịt. Bác Ba bán tất cả được 399000 đồng và đưa lại cho bác Tư 185500 đồng. Tìm giá bán 1 con gà. Tìm giá bán một con vịt.

Bài giải

Thứ… ngày … tháng … năm 20…

TiếngViệt

Ôn tập văn kể chuyện

A.Ôn lại văn kể chuyện

1) Nội dung – Yêu cầu:

*** Kể chuyện** là kể lại một chuỗi sự việc có đầu có cuối, liên quan một hay một số nhân vật.

Mỗi câu chuyện cần nói lên được một điều có ý nghĩa.

Khi viết bài văn kể chuyện, ta phải xác định được cốt chuyện, xem chúng gồm những sự việc gì, diễn biến và kết thúc ra sao. Các nhân vật trong chuyện có hành động, lời nói, ý nghĩ, tình cảm như thế nào,...

Một bài văn kể chuyen hay phải bộc lộ được một cách rõ ràng chủ ý của người kể, có cốt chuyện rõ ràng, có nhân vật xác định với những đặc điểm tính cách rõ nét, lời kể sinh động, có cảm xúc.

*** Có nhiều cách kể chuyện, song chủ yếu là 3 cách sau:**

+Cách 1: Kể lại một câu chuyện mà em đã được đọc, được nghe hoặc trực tiếp tham gia.

+Cách 2: Loài vật, đồ vật, cây cối,...tự kể chuyện của mình (tự thuật). Muốn làm đúng thể loại này, chúng ta phải biến sự vật thành con người (nhân hoá) và cần vận dụng nhiều về trí tưởng tượng.

+Cách 3: Kể chuyện theo trí tưởng tượng.

*** Khi viết văn kể chuyện, cần lưu ý mấy điểm sau:**

+ Nội dung câu chuyện phải có ý nghĩa nhất định. Để xác định được ý nghĩa của câu chuyện, cần tự giải đáp các câu hỏi: Những điều ta sắp kể nhằm chứng minh hoặc khẳng định điều gì? Nó gợi cho người đọc những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?

+ Nắm được cốt chuyện và những chi tiết chính. Cốt chuyện ấy có thể lấy nguyên từ thực tế, cũng có thể tự nghĩ ra (những cái tự nghĩ ra phải có sự hợp lí y như thậtô). Cốt chuyện chính là sự nối tiếp nhau của một chuỗi các chi tiết lớn, sau đó sẽ được bổ sung các chi tiết nhỏ hơn (tình tiết) để câu chuyện thêm sinh động.

+ Xây dựng được một dàn bài linh hoạt và hợp lí, nhằm dẫn dắt câu chuyện phát triển theo chiều hướng hấp dẫn, lôi cuốn. Muốn vậy phải biết xây dựng nhân

vật, chọn lọc các chi tiết có ý nghĩa nhất, sắp xếp các sự việc một cách tự nhiên...

+ Tìm một giọng kể phù hợp với nội dung câu chuyện. (Ngôn ngữ dân gian nếu câu chuyện có tính khôi hài, ngôn ngữ trữ tình đằm thắm nếu câu chuyện cảm động,...). Giọng kể góp phần tạo nên cái duyện cho bài viết.

2) Phương pháp làm bài:

***Bước 1**: Đọc (tái hiện) lại nội dung câu chuyện cần kể. Chú ý nhớ kĩ những sự việc chính, những chi tiết quan trọng để có thể kể lại đúng và đủ theo thứ tự nội dung cốt chuyện.

(Cốt chuyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của chuyện. Cốt chuyện thường có 3 phần: Mở đầu, diễn biến, kết thúc).

***Bước 2:** Tóm tắt nội dung chuyện theo ý lớn của từng đoạn (trong 5-7 câu).

***Bước 3:** Ghi vào vở nháp dàn ý vắn tắt của chuyện (các nhân vật chính, các tình tiết chính trong phần mở đầu, diễn biến và kết thúc câu chuyện).

***Bước 4:** Dựa vào dàn ý vắn tắt, dùng lời văn của mình kể lại từ đầu đến cuối câu chuyện một cách rõ ràng, rành mạch và đầy đủ.

3) Dàn bài chung:

***Mở bài:** Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (chuyện xảy ra ở đâu? Bao giờ? Có những nhân vật nào?...).

***Thân bài:** Kể lại toàn bộ diễn biến của câu chuyện theo cốt chuyện đã thấy hoặc đã nghe hoặc do mình tưởng tượng ra.

(Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết,...và có thể sử dụngcả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động).

***Kết bài:** Nêu phần kết của câu chuyện (Câu chuyện kết thúc ra sao? Có chiều hướng tốt hay xấu? gợi cho em cảm giác gì? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì?)

B.Kể chuyện miệng.

Đề 1:

Một người thân trong gia đình me (ông, bà, bố, mẹ, an, chị…) đã từng làm một việc tốt và cảm động làm mẹ nhớ mãi. Hãy kể lại câu chuyện đó.

Đề 2:

Hãy kể lại một câuchuyện nói về một kỷ niệm đáng nhớ giữa em và người bạn thân trong lớp học.

3.Học sinh viết văn

Đề bài

Một chú ong mê mải hút nhụy hoa, không hay biết trời đang sập tối, ong không về nhà được. Sớm hôm sau, khi trở về gặp các bạn, ong đã kể lại câu chuyện nó xa nhà trong đêm qua.

Em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện cuả chú ong xa nhà đó.

-Yêu cầu học sinh lập dàn ý và viết văn.

Đề bài: Suốt đêm trời mưa to gió lớn, sáng ra, ở tổ chim chót vót trên cây cao,con chim lớn lông cánh ướt, mệt mỏi nhích sang bên để chú chim nhỏ bừng mắt đón ánh mặt trời.

Chuyện gì đã xảy ra với hai con chim trong đêm qua? Em hãy hình dung và kể lại.

Tuần 2

Thứ … ngày… tháng … năm 20…

Toán

Ôn tập bốn phép tính với số tự nhiên (tiếp)

Bài.1, Tổng của hai số là 82. Nếu gấp số hạng thứ nhất lên 3 lần thì được tổng mới là 156. Tìm hai số đó.

- Tổng của hai số là 123. Nếu gấp số hạng thứ hai lên 5 lần thì được tổng mới là 315. Tìm hai số đó.

Bài 2, Hiệu của hai số là 234. Nếu gấp số bị trừ lên 3 lần thì được hiệu mới là 1058. Tìm hai số đó.

- Hiệu của hai số là 387. Nếu gấp số trừ lên 3 lần thì được hiệu mới là 113. Tìm hai số đó.

- Hiệu của hai số là 57. Nếu viết thêm chữ số 0 vào tận bên phải số bị trừ thì được hiệu mới là 2162. Tìm số bị trừ và số trừ.

- Hiệu của hai số là 134. Nếu viết thêm một chữ số vào tận bên phải số bị trừ thì được hiệu mới là 2297. Tìm số bị trừ , số trừ và chữ số viết thêm.

Bài 3, Tổng của hai số là 79. Nếu tăng số thứ nhất lên 4 lần và tăng số thứ hai lên 5 lần thì được tổng mới là 370. Tìm hai số đó.

- Tổng của hai số là 270. Nếu tăng số thứ nhất lên 2 lần và tăng số thứ hai lên 4 lần thì tổng mới tăng thêm 370 đơn vị. Tìm hai số đó.

Bài 4, Tích của hai số là 1932. Nếu thêm vào thừa số thứ nhất 8 đơn vị thì được tích mới là 2604. Tìm hai số đó.

- Tích của hai số là 1692. Nếu bớt ở thừa số thứ hai 17 đơn vị thì được tích mới là 893. Tìm hai số đó.

Bài 5 - Khi cộng một số tự nhiên với 107, một bạn học sinh đã chép nhầm 107 thành 1007 nên được kết quả là 1996. Tìm tổng đúng của phép cộng.

- Khi cộng 2009 với một số tự nhiên, một bạn học sinh đã chép nhầm 2009 thành 209 nên được kết quả là 684. Tìm số hạng chưa biết.

Bài 6, Khi trừ một số có 3 chữ số cho một số có 1chữ số, do đãng trí, một bạn học sinh đã đặt số trừ thẳng với chữ số hàng trăm nên đã được kết quả là 486 mà lẽ ra kết quả đúng phải là 783. Tìm số bị trừ và số trừ.

Bài 7, Khi nhân một số tự nhiên với 6789 do lúng túng, bạn Hoa đã đặt tất cả các tích riêng thẳng cột như trong phép cộng nên đã được kết quả là 296280. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Bài 8, Khi nhân một số tự nhiên với 235 do sơ ý, bạn Cúc đã viết tích riêng thứ hai và thứ ba thẳng cột như trong phép cộng nên đã được kết quả là 10285. Em hãy tìm tích đúng giúp bạn.

Bài 9- Khi nhân một số tự nhiên với 142 do lúng túng, bạn Lan đã viết lộn thừa số thứ hai nên đã làm cho kết quả tăng 27255. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

- Khi nhân một số tự nhiên với 103 do lúng túng, bạn Huệ đã viết thiếu chữ số 0 nên đã làm cho kết quả giảm 37080. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Bài 10, Khi nhân 234 với một số tự nhiên, do chép nhầm, bạn Ngọc đã làm đổi chỗ chữ số hàng nghìn với chữ số hàng chục; chữ số hàng đơn vị với chữ số hàng trăm của thừa số thứ hai nên đã được kết quả là 2250846. Em hãy giúp bạn Ngọc tìm tích đúng của phép nhân đó.

Bài 11, Lan thực hiện một phép nhân, do viết nhầm chữ số hàng đơn vị của thừa số thứ hai từ 2 thành 8 nên đã được kết quả là 2034 mà đáng lẽ phải là 1356. Em hãy tìm các thừa số ban đầu của phép nhân đó.

Bài 12, Khi nhân 254 với một số có hai chữ số giống nhau, bạn Hồng đã đặt tất cả các tích riêng thẳng cột như trong phép cộng nên đã được kết quả kém tích đúng là 16002. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Thứ … ngày … tháng … năm….

Chính tả

Phân biệt l /n

A) Ghi nhớ:

- L xuêt hiện trong các tiếng có âm đệm (VD: loan, luân, loa,...) / N không xuêt hiện trong các tiếng có âm đệm (trừ 2 âm tiết Hán Việt: noãn, noa).
- Trong cấu tạo từ láy:

+ L/n không láy âm với nhau.

+ L có thể láy vần với nhiều phụ âm khác (VD: lệt bệt, la cà, lờ đờ, lò dò, lạnh lùng,..)

+ N chỉ láy âm với chính nó (no nê, nợ nần, nao núng,...)

Viết chính tả

1.

Mùa thu rộng bao la
Trời xanh cao chót vót
Bãi mở hết tầm nhìn
Đồng lúa xa tít tắp
Bình yên qua mùa lũ
Đê uốn mình thảnh thơi
Lúa lặng im làm hạt
Áng mây chiều êm trôi

2.Người Hà Nội có lẽ không ai là không biết tới các làng hoa. Hàng chục làng hoa cho hương, cho sắc của Ngọc Hà đã làm đắm say Hà Nội hàng mấy trăm năm nay.

B) Bài tập thực hành:

Bài tập 1: *Điền l / n:*

...o ...ê, ...o ...ắng, ...ưu ...uyến, ...ô ...ức, ...ão ...ùng, ...óng ...ảy, ...ăn ...óc, ...ong ...anh, ...ành ...ặn, ...anh ...ợi, ...oè ...oẹt, ...ơm ...ớp.

Bài tập 2: *Điền l / n:*

Hoa thảo quả ...ảy dưới gốc cây kín đáo và ...ặng ...ẽ. Dưới tầng đáy rừng, những chùm thảo quả đỏ chon chót, bóng bẩy như chứa ...ửa, chứa ...ắng

Bài tập 3: *Điền l /n:*

Tới đây tre ...ứa ...à nhà
Giò phong ...an ...ở nhánh hoa nhuỵ vàng
Trưa ...ằm đưa võng, thoảng sang
Một ...àn hương mỏng, mênh mang nghĩa tình.
...án đêm, ghé tạm trạm binh
Giường cây ...ót ...á cho mình đỡ đau...
(Tố Hữu)

Bài tập 4: *Điền tiếng có chứa phụ âm đầu l /n:*

a) ... trường Tam Đảo chạy quanh quanh
Dòng ... qua nhà lấp ... xanh
Bãi cỏ xa nhấp nhô sóng ...
Đàn cừu ... gặm cỏ yên ...
(Vĩnh Mai)

b) Trăng toả ... từng ánh vàng dìu dịu. Những cụm mậy trắng lững ... trôi. Đầu phố, những cây dâu da đang thầm ... ban phát từng ... hương ngọt ngào vào đêm yên tĩnh. Càng về khuya, hoa càng nồng ..., ... nức.
(Đức Huy)

*<u>*Đáp án :*</u>*

a) nông, nước, lánh, lượn, non, lành.
b) lan, lờ, lặng, làn, nàn, náo.

Bài tập 5:

Tìm 4-5 từ có tiếng : la, lạc, lạm, nam, lam, lan, nan, nanh, lao, lát, lăm, lăng, năng, lập, neo, nép, linh, nòng, lóng, lỗi, lung, nương.

*<u>*Đáp án:*</u>*

- **la**: la bàn, la cà, la đà, la hét, la liệt, la ó, bao la, dò la,...
- **lạc**: lạc đà, lạc đề, lạc đường, lạc hậu, lạc quan,...
- **lạm**: lạm dụng, lạm phát, lạm quyền, tiêu lạm,...
- **nam**: nam nữ, gió nam, Miền Nam, phương Nam,...
- **lam**: lam lũ, lam nham, danh lam thắng cảnh, màu lam, tham lam,...
- **lan**: lan man, lan tràn, sà lan, tràn lan,...
- **nan**: nan cót, nan rổ, nan hoa xe đạp, quạt nan, thuyền nan,...

- **nanh**: nanh ác, nanh nọc, nanh cọp, nanh độc, nanh lợn, nanh vuốt, răng nanh,...
- **lao**: lao công, lao động, lao xao, gian lao,...
- **lát**: lát cắt, lát bánh, lát gạch, lát sàn, đan lát, chốc lát, giây lát,...
- **lăm**: lăm le, lăm lăm, mười lăm, hăm lăm,...
- **lăng**: lăng miếu, lăng mộ, lăng kính, lăng tẩm, xâm lăng,...
- **năng**: năng suất, năng động, năng khiếu, chức năng, siêng năng, tài năng,...
- **lập**: lập công, lập dị, lập đông, lập hạ, lập luận, sáng lập, tự lập, thành lập,...
- **neo**: neo thuyền, gieo neo, thả neo, neo đậu, neo lại,...
- **nép**: nép chặt, nép mình, nép vào, nem nép, khép nép,...
- **linh**: linh kiện, linh thiêng, anh linh, tâm linh, thần linh, vong linh, lung linh,...
- **nòng**: nòng cốt, nòng nọc, nòng súng, đạn lên nòng,...
- **lóng**: lóng lánh, lóng ngóng, nói nóng, tiếng nóng,...
- **lỗi**: lỗi lầm, lỗi thời, mắc lỗi, xin lỗi, thứ lỗi, sửa lỗi, tội lỗi,...
- **lung**: lung linh, lung lay, lung tung, mông lung,...
- **nương**: nương náu, nương rẫy, ruộng nương, lên nương, làm nương,...

Luyện từ và câu

Ôn tập từ ghép và từ láy

A.Ôn lại kiế thức về từ ghép và từ láy.

a) Từ ghép : Là từ do 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa ghép lại tạo thành nghĩa chung.

T.G được chia thành 2 kiểu :

- ***T.G có nghĩa tổng hợp*** (T.G hợp nghĩa, T.G đẳng lập, T.G song song): Là từ ghép mà nghĩa của nó biểu thị những loại rộng hơn, lớn hơn, khái quát hơn so với nghĩa các tiếng trong từ.

-***T.G có nghĩa phân loại*** (T.G phân loại, T.G chính phụ): Thường gồm có 2 tiếng, trong đó có 1 tiếng chỉ loại lớn và 1 tiếng có tác dụng chia loại lớn đó thành loại nhỏ hơn.

- Lưu ý :

+Các tiếng trong từ ghép tổng hợp thường cùng thuộc một loại nghĩa (cùng danh từ, cùng động từ,…)

+ Các từ như : ***chèo bẻo, bù nhìn, bồ kết, ễnh ương, mồ hôi, bồ hóng,…, axit, cà phê , ô tô, mô tô, rađiô***,…có thể cho là từ ghép (theo định nghĩa) hoặc từ đơn (tuy có 2 tiếng trở lên nhưng các tiếng đó phải gộp lại mới có nghĩa , còn từng tiếng tách rời thì không có nghĩa . Những trường hợp này gọi là **từ đơn đa âm**).

b) Từ láy(T.L): Là từ gồm 2 hay nhiều tiếng láy nhau. Các tiếng láy có thể có 1 phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

(** Xem thêm* :

Căn cứ vào bộ phận được lặp lại, người ta chia từ láy thành 4 kiểu : Láy tiếng, láy vần, láy âm, láy cả âm và vần . Căn cứ vào số lượng tiếng được lặp lại, người ta chia thành 3 dạng từ láy : láy đôi, láy ba,láy tư,…)

B. Bài tập:

Bài 1 : Các từ in đậm trong hai đoạn văn dưới đây là từ ghép hay từ láy? Vì sao?

a.**Nhân dân** ghi nhớ công ơn Chử Đồng Tử, lập đền thờ ở nhiều nơi bên sông Hồng. Cũng từ đó hằng năm, suốt mấy tháng mùa xuân, cả một vùng **bờ bãi** sông Hồng lại **nô nức** làm lễ, mở hội để tưởng nhớ ông.

b. Dáng tre vươn **mộc mạc**, màu tre tươi **nhũn nhặn.** Rồi tre lớn lên, **cứng cáp dẻo dai**, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, **chí khí** như người.

Bài 2:Cho đoạn văn sau:

Biển luôn **thay đổi** tùy theo màu sắc mây trời. Trời **xanh thẳm**, biển cũng thẳm xanh, như dâng cao lên **chắc nịch**. Trời rải mây trắng nhạt, biển **mơ màng** dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, **nặng nề**. Trời ầm ầm dông gió, biển **đục ngàu** giận giữ. Như một con người biết **buồn vui**, biển lúc **tẻ nhạt, lạnh lùng**, lúc **sôi nổi**, **hả hê**, lúc **đăm chiêu, gắt gỏng.**

a.Tìm từ ghép trong các từ in đậm ở đoạn văn trên, rồi xếp vào hai nhóm: từ ghép có nghĩa tổng hợp và từ ghép có nghĩa phân loại.

b.Tìm từ láy trong các từ in đậm ở đoạn văn trên, r5ồi xếp vào ba nhóm: từ láy âm đầu; từ láy vần; từ láy cả âm đầu và vần (láy tiếng)

Bài 3: Tìm các từ ghép, từ láy chứa từng tiếng sau:Ngay, thẳng, thật.

Đặt câu với một từ láy hoặc một từ ghép vừa tìm được

Bài 4: Các từ : bánh trái, bánh rán, xe điện, xe đạp,tàu hỏa, đường ray máy bay, ruộng đồng, làng xóm, núi non,gò đống, bãi bờ, hình dạng , màu sắc .Từ naò có nghĩa tổng hợp, từ naò có nghĩa phân loai?

Bài 5 : Xếp các từ láy trong đoạn văn sau vào nhóm thích hợp:Từ láy có hai tiếng giống nhau ở âm đầu; Từ láy có hai tiếng giống nhau ở vần; Từ láy có hai tiếng giống nhau cả âm và vần.

Cây nhút nhát

Gió rào rào thỏi lên. Có một tiếng động gì lạ lắm. Những chiếc lá khô lạt xạt trên cỏ. Cây xấu hổ co rúm mình lại. Nó bỗng thấy xung quanh lao xao, he hé mắt nhìn: Không có gì lạ cả. Lúc bấy giờ nó mới mở bừng những con mắt lá và quả nhiên không có gì lạ thật.

Bài 6 :

Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :

a***) Các từ ghép*** :

- mềm .....
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong....
- nhớ.....
- buồn.....

b) Các từ láy :

- mềm.....
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong.....
- nhớ.....
- buồn.....

Bài 7:

Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :

a) T.G.T.H	***b) T.G.P.L***	***c) Từ láy***
- nhỏ.....	- nhỏ.....	- nhỏ.....
- lạnh.....	- lạnh.....	- lạnh.....
- vui.....	- vui.....	- vui.....
- xanh...	- xanh.....	- xanh.....

Bài 8 :

Hãy xếp các từ sau vào 3 nhóm : ***T.G.P.L ; T.G.T.H ; Từ láy :***

Thật thà, bạn bè, bạn đường, chăm chỉ, gắn bó, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn học, khó khăn, học hỏi, thành thật, bao bọc, quanh co, nhỏ nhẹ.

Bài 9 :

Phân các từ phức dưới đây thành 2 loại : ***T.G.T.H*** và ***T.G.P.L*** :

Bạn học, bạn hữu, bạn đường, bạn đời, anh em, anh cả, em út , chị dâu, anh rể, anh chị, ruột thịt,hoà thuận , thương yêu.

Bài 10 :

Cho những kết hợp sau :

Vui mừng, nụ hoa, đi đứng, cong queo, vui lòng, san sẻ, giúp việc, chợ búa, ồn ào, uống nước, xe đạp, thằn lằn, tia lửa, nước uống, học hành, ăn ở, tươi cười.

Hãy xếp các kết hợp trên vào từng nhóm : **Từ ghép có nghĩa tổng hợp, từ ghép có nghĩa phân loại, từ láy, kết hợp 2 từ đơn**.

Bài 11 "*Tổ quốc"* là 1 từ ghép gốc Hán (từ Hán Việt). *Em hãy* :

- Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng "***tổ***".
- Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng "***quốc*** ".

Bài 12 : Tìm 5 từ láy để miêu tả bước đi, dáng đứng của người. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

Bài 13

a. Tìm một từ ghép có nghĩa tổng hợp và đặt câu với từ đó .

b.Tìm một từ ghép có nghĩa phân loại và đạt câu với mỗi từ đó.

c.Tìm một từ láy có hai tiếng giống nhau ở âm đầu và đạt câu với mỗi từ đó.

c.Tìm một từ láy có hai tiếng giống nhau ở vần và đạt câu với từ đó.

d.Tìm một từ láy có hai tiếng giống nhau cả âm cả vần

Thứ … ngày… tháng … năm 20…

Toán

Ôn tập về đại lượng

A. Kiến thức cần ghi nhớ

1. Bảng đơn vị đo thời gian

1 giờ = 60 phút; 1 phút = 60 giây;

1 ngày = 24 giờ; 1 tuần = 7 ngày;

1 tháng có 30 hoặc 31 ngày (tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày)

1 năm thường có 365 ngày

1 năm nhuận có 366 ngày (cứ 4 năm có một năm nhuận)

1 quý có 3 tháng; 1 năm có 4 quý.

1 thập kỉ = 10 năm; 1 thế kỉ = 100 năm; 1 thiên niấn kỉ = 1000 năm.

2. Bảng đơn vị đo khối lượng

Tấn	Tạ	yến	kg	hg	dag	g

1 tấn = 10 tạ; 1 tạ = 10 yến; 1 yến = 10kg; 1kg = 10hg; 1hg = 10dag; 1dag = 10g

1 tấn = 100kg; 1 tạ = 100kg; 1 yến = 100hg 1 kg = 100dag; ...

1 tạ = $\frac{1}{10}$ tấn; 1 yến = $\frac{1}{10}$ tạ; 1kg = $\frac{1}{10}$ yến; ...

3. Bảng đơn vị đo độ dài

km	hm	dam	m	dm	Cm	mm

1 km= 10 hm; 1 hm = 10 dam; 1 dam= 10m;

1m = 10dm; 1dm = 10cm; 1cm = 10mm

1 hm = $\frac{1}{10}$ km; 1 dam = $\frac{1}{10}$ hm; 1m = $\frac{1}{10}$ dam; ...

4. Bảng đơn vị đo diện tích

km^2	hm^2	dam^2	m^2	dm^2	cm^2	mm^2

$1km^2 = 100\ hm^2$; $1\ hm^2 = 100\ dam^2$; $1dam^2 = 100m^2$;

$1m^2 = 100dm^2$; $1dm^2 = 100cm^2$; $1cm^2 = 100\ mm^2$

1 $m^2 = \frac{1}{100}$ $dam^2 = \frac{1}{10000}$ hm^2; $1dm^2 = \frac{1}{100}$ m^2 ; $1\ cm^2 = \frac{1}{100}$ $dm^2 = \frac{1}{10000}$ m^2

B – Bài tập

Bài 1:

a.Đổi các số sau ra kg:

7 tạ 3 yến 4 kg *4 tấn 3tạ *5 tấn 3 tạ 2 yến

b.Đổi các số sau ra gam:

2 hg 2 dag 5 g *1kg 4hg * 1kg 7hg 5dag

c.Đổi các số sau ra tấn và kg:

3027 kg ; 5432 kg ; 31 tạ 6 yến

d.Đổi các số sau ra kg và gam:

1237 g ;15070 g ;49hg 5dag 7g

Bài 2: Diền dấu <, >, = thích hợp vào dấu chấm

a.1 tạ 11kg ... 10 yến 1 kg

b.2 tạ 2 kg ... 220 kg

c.4 kg 3 dag ... 43 hg

d.8 tấn 80 kg ... 80 tạ 8 yến

Bài 3: Sắp xếp các số đo khối lượng : 1 kg 512 g ; 1 kg 5 hg ; 1kg 51 dag ; 10 hg 50 g theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 4:

a.Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3 phút =... giây $\frac{1}{4}\frac{1}{4}$ phút = ... giây 2thế kỉ =... năm

1 giờ =... giây 1 phút 30 giây =...giây 1000 năm =... thế kỉ

Nửa giờ =... phút 2 giờ =... giây nửa thế kỉ =... năm

b.Đổi các số sau ra phút:

1 giờ 45 phút 3 giờ $\frac{1}{5}\frac{1}{5}$ giờ 2 giờ $\frac{2}{5}\frac{2}{5}$ giờ 4 giờ $\frac{5}{6}\frac{5}{6}$ giờ

c.Đổi các số sau ra giây:

1 giờ 1 phút 17 giây 7 phút $\frac{3}{5}\frac{3}{5}$ phút 4 phút $\frac{7}{12}\frac{7}{12}$ phút

Bài 5: Tính

a.115 tạ + 256 tạ

4152 g - 876g

4 tấn x 3

2565kg : 5

c.30 phút - 15 phút

12 giây + 45 giây

b. (3 kg + 7 kg) x 2

(114 tạ - 49 tạ) : 5

3 tấn 5 tạ + 2 tấn 3 tạ

4kg 500g -2kg 500g

3 giờ x 2

69 giờ : 3

Bài 6:

a.Đổi các số sau ra đề xi mét vuông.

635 cm^2=...dm^2 ...cm^2

2016 cm^2=....dm^2...cm^2

7006 cm^2 =...dm^2...cm^2

8101 cm^2=...dm^2...cm^2

b.Đổi các số sau ra đè xi mét vuông

8 m^2 72dm^2 =....dm^2

9 $m^2$8 dm^2 =....dm^2

15 m^2 10 dm^2 =...cm^2

79 m^2 3 dm^2 =...dm^2

c.Đổi mỗi số sau ra cen ti mét vuông

172 dm^2 =.....cm^2

1 m^2 78 dm^2 =....cm^2

4 m^2 25 dm^2 =....cm^2

9 m^2 3 dm^2 =.... cm^2

d.Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

2m^2 30 dm^2 =....cm^2

4 m^2 8cm^2 =....cm^2

7075 cm^2 =...dm^2 .....cm^2

5004 cm^2 =....dm^2 .....cm^2

Bài 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3kg 600g = ...g 10dag = ...g 3kg 60 g = ...g

10dag = ...hg

1hg = ...dag 8kg = ...g

Bài 8: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) 9 tạ 5 kg > .....kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 95 B. 905 C. 950 D. 9005

b) 7kg 2 g = ...g. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 72 B. 702 C. 7002 D. 720

Bài 9: Cô Mai có 2kg đường, cô đã dùng $\frac{1}{4}$ số đường đó để làm bánh. Hỏi cô Mai còn lại bao nhiêu gam đường?

Bài 10: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1 phút = ...giây 3 phút = ...giây 2 phút 10 giây = ...giây

$\frac{1}{6}$ phút = ...giây $\frac{1}{5}$ thế kỉ = ...năm

Bài 11: Viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Năm 40, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa chống lại ách thống trị của nhà Hán, năm đó thuộc thế kỉ ...

b)Lê Lợi lên ngôi vua vào năm 1428. Năm đó thuộc thế kỉ ...

Bài 12: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Ngày 23 tháng 5 là thứ 3. Ngày 1 tháng 6 cùng năm đó là:

A. Thứ tư B. Thứ năm C. Thứ sáu D. Thứ bảy

Bài 13: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3m 600cm = ...cm ; 10cm = ...mm 3km ;

60 m = ...m ;

10m = ...dam 125m = ... hm.....m

8hm = ...m

Bài 14: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) 9 tạ 5 kg > .....kg. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 95 B. 905 C. 950 D. 9005

b) 7kg 2 g = ...g. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 72 B. 702 C. 7002 D. 720

Bài 15: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $1m^2$ = ...dm^2 ; b) 125 dm^2 = ...m^2 ....dm^2 d) 5$dm^2$3cm^2 = ... cm^2

e) 43 hm^2 = ... m^2; g) 307dm^2 = ... m^2 .... dm^2 h) 150m^2 = ... dam^2 ....m^2

Thứ … ngày … tháng…. năm 20….

Tập làm văn

Ôn tập văn miêu tả đồ vật

A- Phương pháp làm bài:

***Bước 1**: Xác định đối tượng miêu tả:

Đồ vật em định tả là cái gì? Đồ vật đó của ai? Do đâu mà có? Nó xuêt hiện trong thời gian nào?

***Bước 2**: Quan sát đối tượng miêu tả:

- Quan sát kĩ: hình dáng, kích thước, màu sắc của đồ vật và chất liệu tạo nên nó.
- Ghi nhớ những nét bao quát và những nét cụ thể của đồ vật (cấu tạo bên ngoài, bên trong, từng bộ phận....). Sắp xếp các chi tiết ấy theo một trình tự hợp lí cho dễ miêu tả.
- Công dụng của đồ vật ấy đối với người sử dụng.

***Bước 3:** Lập dàn ý.

***Bước 4:** Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để xây dựng thành một bài văn tả đồ vật hoàn chỉnh.

B- Dàn bài chung:

*** Mở bài:**

- Tên đồ vật được tả.
- Đồ vật ấy của ai? Nó được mua hay được làm, trong thời gian nào?

***Thân bài:**

- Tả khái quát về hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu và cấu tạo của đồ vật đó.
- Tả cụ thể tường bộ phận của đồ vật (theo trình tự từ trên xuống dưới hay từ ngoài vào trong).
- Tác dụng của đồ vật.

***Kết bài:**

Nêu cảm nghĩ của bản thân đối với đồ vật được miêu tả.

C- Bài tập thực hành:

***Đề bài**: Em hãy tả lại chiếc bút máy mà em đang sử dụng.

Bài tập1:

Quan sát kĩ chiếc bút em định tả: *hình dáng bên ngoài, đặc điểm, cấu tạo bên trong, cách sử dụng,...*

Bài tập 2:

Viết một đoạn văn tả về cây bút dựa vào các đặc điểm sau:

- Cây bút dài khoảng một gang tay.
- Thân bút tròn.
- Nắp bút có đai sắt.
- Chiếc ngòi nhỏ xíu.
- Chiếc ruột gà làm bằng nhựa mềm.

Bài tập 3:

Thêm ý cho các dòng sau diễn đạt ý trọn vẹn :

- Hôm đầu tiên cầm chiếc bút trên tay,...
- Mỗi khi ngòi bút chạy trên trang giấy,...
- Từ khi có cây bút mới,...
- Đã qua một học kì,...
- Nét chữ của em giờ đây...
- Lần đầu tiên được cô giáo cho điểm mười bài tập viết,...
- Niềm sung sướng thôi thúc em...

Bài tập 4:

a) Viết phần mở bài (*Chiếc bút của em có trong trường hợp nào? Mẹ em mua nhân dịp năm học mới hay bố em tặng nhân dịp sinh nhật?...*)

b) Viết phần kết bài (*Chiếc bút đã gắn bó thân thiết với em như thế nào? Em sẽ giữ gìn bút ra sao?...*)

Bài tập 5:

Dựa vào các bài tập trên, em hãy viết một bài văn hoàn chỉnh tả chiếc bút máy của em.

D- Bài tập tự luyện:

Đề 1: Em hãy tả cái trống của trường em và cho biết cảm xúc của em khi nghe tiếng trống ấy.

Đề 2: Nhiều năm nay, chiếc đồng hồ báo thức là người bạn thân thiết trong gia đình em. Hãy tả lại chiếc đồng hồ ấy.

Đề 3: Hãy tả lại tấm lịch treo tường nhà em (hoặc nhà em quen).

Đề 4: Hãy tả cái bàn em thường ngồi học ở nhà.

Tuần 3

Thứ … ngày … tháng … năm 20….

Toán

Ôn tập về dấu hiệu chia hết cho 2 , 5, 9, 3.(4 tiết)

A Kiến thức cần ghi nhớ

1. Những số có tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.
2. Những số có tận cùng là 0 và 5 thì chia hết cho 5.
3. Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.
4. Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.
5. Các số có hai chữ số tận cùng lập thành số chia hết cho 4 thì số đó chia hết cho 4.
6. Các số có hai chữ số tận cùng lập thành số chia hết cho 25 thì chia hết cho 25.
7. Các số có 3 chữ số tận sùng lập thành số chia hết cho 8 thì số đó chia hết cho 8.
8. Các số có 3 chữ số tận cùng lập thành số chia hết cho 125 thì số đó chia hết cho 125.
9. a chia hết cho m, b cũng chia hết cho m(m > 0) thì tổng a+b và hiệu a – b (a > b) cũng chia hết cho m.
10. Cho một tổng có một số hạng chia cho m dư r (m>0), các số hạng còn lại chia hết cho m thì tổng chia cho m cũng dư r.
11. a chia cho m dư r, b chia cho m dư r thì (a – b) chia hết cho m (m > 0).
12. Trong một tích có một thừa số chia hết cho m thì tích đó chia hết cho m (m > 0).
13. Nếu a chia hết cho m đồng thời a cũng chia hết cho n (m, n > 0). Đồng thời m và n chỉ cùng chia hết cho 1 thì a chia hết cho tích m × n.

VD: 18 chia hết cho 2 và 18 chia hết cho 9 (2 và 9 chỉ cùng chia hết cho 1) nên 18 chia hết cho tích 2 × 9.

14. Nếu a chia cho m dư m - 1 (m > 1) thì a + 1 chia hết cho m.
15. Nếu a chia cho m dư 1 thì a - 1 chia hết cho m (m > 1)

B. Bài tập

Bài 1:Trong các số265; 840 ;358 ;143 ; 3000 ;2895 ;1010 ;721

a. Số nào vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?

b. Số nào chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5?

c. Số nào chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho2?

d. Số nào không chia hết cho cả 2và 5?

Bài 2: Trong các số108 ;1900 ;1065 ;510 ;217.

a. Số nào chia hết cho cả 2 và 3?

b. Số nào chia hết cho cả 3 và 5?

c. Số nào chia hết cho cả 2; 3 và 5?

d. Số nào chia hết cho 5 nhưng khồng chia hết cho 3?

e. Số nào chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9?

Bài 3: Kiểm tra kết quả phép nhân sau xem đúng hay sai?

12345 x 6789 =83710205

Bài 4:Tìm a và b để số$\overline{a8b}$ chia hết cho 15.

Bài 5:Tìm a, b, để $\overline{7a8b}$ chia hết cho 2; 3 và 5.

Bài 6:Với các chữ số1 ,2 , 3, 4, 5, ta lập được bao nhiêu số có 4 chữ số chia hết cho 5 ?

Bài7: Với 3 chữ số2, 0, 5

a. Hãy viết các sốcó 3 chữ số khác nhau và chia hết cho 2.

b. Hãy viết tất cả các sốcó 3 chữ sốkhác nhau chia hết cho 5.

Bài8: Với 3 chữ số0, 5, 7.Hãy viết một sốlẻ có 3 chữ sốkhác nhau và chia hết cho 5.

Bài9: Với 4 chữ số0, 1, 4, 5.Hãy viết một sốcó 3 chữ sốkhác nhau vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 9.

Bài 10: Tìm X biết:

a. X chia hết cho 2 và 150 < X < 160

b. X chia hết cho 3 và 360 < X < 370

c. X vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 và 200 < X < 250

d. X là số lẻ, X chia hết cho 5 và 121 < X < 133

Bài 11: Mai có một sốkẹo ít hơn 55 cái và nhiều hơn 40 cái. Nếu Mai đem sốkẹo đó chia đều cho 5 bạn hoặc chia đều cho 3 bạn thì cũng vừa hết. Hỏi Mai có bao nhiêu cái kẹo?

Bài 12: Hãy tìm các chữ số x, y sao cho $\overline{17x8y}$ chia hết cho 5 và 9.

Bài 13: Tìm x để 37+ $\overline{2x5}$ chia hết cho 3.

Thứ …ngày… tháng … năm 20….

Luyện từ và câu

Ôn tập về danh từ, động từ, tính từ

A.Kiến thức cần ghi nhớ

a)Danh từ (DT): DT là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)

V.D :

- *DT chỉ hiện tượng* : ***mưa, nắng , sấm, chớp***,...

- *DT chỉ khái niệm* : ***đạo đức, người, kinh nghiệm, cách mạng,...***

- *DT chỉ đơn vị* : ***Ông, vị*** (**vị** giám đốc),***cô*** (**cô** Tấm) ,***cái, bức, tấm***,... ; ***mét, lít, ki-lô-gam,... ;nắm, mớ, đàn,...***

Khi phân loại DT tiếng Việt, trước hết , người ta phân chia thành 2 loại : DT riêng và DT chung .

- ***Danh từ riêng*** : là tên riêng của một sự vật (tên người, tên địa phương, tên địa danh,..)

- ***Danh từ chung*** : là tên của một loại sự vật (dùng để gọi chung cho một loại sự vật). DT chung có thể chia thành 2 loại :

+ *DT cụ thể* : là DT chỉ sự vật mà ta có thể cảm nhận được bằng các giác quan (***sách, vở, gió ,mưa,...).***

+ *DT trừu tượng* : là các DT chỉ sự vật mà ta không cảm nhận được bằng các giác quan (***cách mạng, tinh thần, ý nghĩa,...***)

Các ***DT chỉ hiện tượng, chỉ khái niệm, chỉ đơn vị*** được giảng dạy trong chương trình SGK lớp 4 chính là các loại nhỏ của DT chung.

+ *DT chỉ hiện tượng* *:*

Hiện tượng là cái xảy ra trong không gian và thời gian mà con người có thể nhận thấy, nhận biết được. Có hiện tượng tự nhiên như : ***mưa , nắng***, ***sấm, chớp, động đất***,... và hiện tượng xã hội như : ***chiến tranh, đói nghèo, áp bức,***...DT chỉ hiện tượng là DT biểu thị các hiện tượng tự nhiên (***cơn mưa***, ***ánh nắng, tia chớp***,...) và hiện tượng xã hội (***cuộc chiến tranh, sự đói nghèo,***...) nói trên.

+ *DT chỉ khái niệm* :

Chính là loại DT có ý nghĩa trừu tượng (DT trừu tượng- đã nêu ở trên). Đây là loại DT không chỉ vật thể, các chất liệu hay các đơn vị sự vật cụ thể ,mà

biểu thị các khái niệm trừu tượng như : ***tư tưởng, đạo đức, khả năng, tính nết, thói quen, quan hệ, thái độ,cuộc sống, ý thức , tinh thần, mục đích, phương châm,chủ trương, biện pháp, ý kiến, cảm tưởng, niềm vui, nỗi buồn, tình yêu, tình bạn,...***Các khái niệm này chỉ tồn tại trong nhận thức, trong ý thức của con người, không ôvật chất hoáô, cụ thể hoá được. Nói cách khác, các khái niệm này không có hình thù, không cảm nhận trực tiếp được bằng các giác quan như mắt nhìn, tai nghe,...

+ DT chỉ đơn vị *:*

Hiểu theo nghĩa rộng, DT chỉ đơn vị là những từ chỉ đơn vị các sự vật. Căn cứ vào đặc trưng ngữ nghĩa , vào phạm vi sử dụng, có thể chia DT chỉ đơn vị thành các loại nhỏ như sau :

- *DT chỉ đơn vị tự nhiên* : Các DT này chỉ rõ loại sự vật, nên còn được gọi là DT chỉ loại. Đó là các từ : ***con, cái , chiếc; cục, mẩu, miếng; ngôi, tấm , bức; tờ, quyển, cây, hạt, giọt, hòn ,sợi,...***
- *DT chỉ đơn vị đo lường* : Các DT này dùng để tính đếm, đo đếm các sự vật, vật liệu, chất liệu,...VD : ***lạng, cân, yến, tạ, mét thước, lít sải, gang,...***
- *DT chỉ đơn vị tập thể* : Dùng để tính đếm các sự vật tồn tại dưới dạng tập thể , tổ hợp. Đó là các từ :***bộ, đôi, cặp, bọn, tụi, đàn,dãy, bó,...***
- *DT chỉ đơn vị thời gian*:Các từ như: ***giây, phút , giờ, tuần, tháng,mùa vụ, buổi,...***
- *DT chỉ đơn vị hành chính, tổ chức*:***xóm, thôn, xã, huyện, nước,nhóm, tổ, lớp , trường,tiểu đội, ban, ngành,...***

***Cụm DT**:

- DT có thể kết hợp với các từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ chỉ định ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm DT. ***Cụm DT là loại tổ hợp từ do DT và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành***.

Trong cụm DT, các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho DT các ý nghĩa về số và lượng. Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà DT biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong gian hay thời gian.

b) ***Động từ***(ĐT): ĐT là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

V.D : - Đi, chạy ,nhảy,... (ĐT chỉ hoạt động)

- Vui, buồn, giận, ... (ĐT chỉ trạng thái)

****Mấy lưu ý về ĐT chỉ trạng thái*** :

- Đặc điểm ngữ pháp nổi bật nhất của ĐT chỉ trạng thái là : nếu như ĐT chỉ hoạt động, hành động có thể kết hợp với từ ***xong*** ở phía sau (**ăn** xong, **đọc** xong ,...) thì ĐT chỉ trạng thái không kết hợp với ***xong*** ở phía sau (không nói : **còn** xong, **hết** xong, **kính trọng** xong, ...). Trong TV có một số loại ĐT chỉ trạng thái sau :

+ *ĐT chỉ trạng thái tồn tại* (hoặc *trạng thái không tồn tại*) :***còn,hết,có,...***
+ *ĐT chỉ trạng thái biến hoá* : ***thành, hoá***,...
+ *ĐT chỉ trạng thái tiếp thụ* : ***được, bị, phải, chịu,...***
+ *ĐT chỉ trạng thái so sánh* : ***bằng, thua, hơn, là,...***

- Một số ô**nội ĐT**ô sau đây cũng được coi là ĐT chỉ trạng thái : ***nằm***, ***ngồi, ngủ, thức, nghỉ ngơi, suy nghĩ, đi ,đứng , lăn, lê, vui, buồn , hồi hộp, băn khoăn, lo lắng,..***.Các từ này có một số đặc điểm sau :

+ Một số từ vừa được coi là ĐT chỉ hành động, lại vừa được coi là ĐT chỉ trạng thái.

+ Một số từ chuyển nghĩa thì được coi là ĐT chỉ trạng thái (trạng thái tồn tại).

VD : Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi ! (Tố Hữu)
Anh ấy **đứng** tuổi rồi .

+ Một số từ mang đặc điểm ngữ pháp của TT (kết hợp được với các từ chỉ mức độ)

- Các ‘**ngoại ĐT**ô sau đây cũng được coi là ĐT chỉ trạng thái (trạng thái tâm lí) : ***yêu, ghét , kính trọng, chán, thèm,, hiểu,...***Các từ này mang đặc điểm ngữ pháp của TT, có tính chất trung gian giữa ĐT và TT.

- Có một số ĐT chỉ hành động dược sử dụng như một ĐT chỉ trạng thái.

VD : Trên tường **treo** một bức tranh.
Dưới gốc cây có **buộc** một con ngựa .

- ĐT chỉ trạng thái mang một số đặc điểm về ngữ pháp và ngữ nghĩa giống như TT. Vì vậy, chúng có thể làm vị ngữ trong câu kể : ***Ai thế nào ?***

***Cụm ĐT**:

- ĐT thường kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh (ở phía trước)và một số từ ngữ khác để tạo thành cụm ĐT .***Cụm ĐT là loại tổ hợp từ do ĐT với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành***. Nhiều ĐT phải có các từ ngữ phụ thuộc đi kèm, tạo thành cụm ĐT mới trọn nghĩa.

Trong cụm ĐT, các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho ĐT các ý nghĩa: quan hệ thời gian; sự tiếp diễn tương tự ;sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động; sự khẳng định hoặc phủ định hành động,...Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho ĐT các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện và cách thức hành động.

c) <u>Tính từ</u> (TT): TT là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của vật, hoạt động, trạng thái,...

****Có 2 loại TT đáng chú ý là*** :

- *TT chỉ tính chất chung không có mức độ* (***xanh, tím, sâu, vắng***,...)
- *TT chỉ tính chất có xác định mức độ* (mức độ cao nhất) (***xanh lè***, ***tím ngắt, sâu hoắm, vắng tanh***,...)

<u>* Phân biệt từ chỉ đặc điểm, từ chỉ tính chất, từ chỉ trạng thái :</u>

- Từ chỉ đặc điểm :

Đặc điểm là nét riêng biệt, là vẻ riêng của một một sự vật nào đó (có thể là người, con vật, đồ vât, cây cối,...). Đặc điểm của một vật chủ yếu là đặc điểm bên ngoài (ngoại hình) mà ta có thể nhận biết trực tiếp qua mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,... Đó là các nét riêng , vẻ riêng về màu sắc , hình khối, hình dáng, âm thanh,...của sự vật . Đặc điểm của một vật cũng có thể là đặc điểm bên trong mà qua quan sát,suy luận, khái quát,...ta mới có thể nhận biết được. Đó là các đặc điểm về tính tình, tâm lí, tính cách của một người, độ bền, giá trị của một đồ vật...

Từ chỉ đặc điểm là từ biểu thị các đặc điểm của sự vật, hiện tượng như đã nêu ở trên.

VD : + *Từ chỉ đặc điểm bên ngoài* : ***Cao, thấp, rộng , hẹp, xanh, đỏ,...***

+ *Từ chỉ đặc điểm bên trong* : ***tốt ,ngoan, chăm chỉ, bền bỉ,...***

- Từ chỉ tính chất :

Tính chất cũng là đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng (bao gồm cả những hiện tượng xã hội, những hiện tượng trong cuộc sống,...), nhưng thiên về đặc điểm bên trong, ta không quan sát trực tiếp được, mà phải qua quá trình quan sát, suy luận, phân tích , tổng hợp ta mới có thể nhân biết được. Do đó , từ chỉ tính chất cũng là từ biểu thị những đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng.

VD : ***Tốt, xấu, ngoan, hư, nặng ,nhẹ, sâu sắc, nông cạn, suôn sẻ, hiệu quả, thiết thực,...***

Như vậy, đối với HS tiểu học, khi phân biệt (một cách tương đối) từ chỉ đặc điểm và từ chỉ tính chất, GV có thể tạm thời cho rằng : ***Từ chỉ đặc điểm*** thiên về nêu các đặc điểm bên ngoài , còn ***từ chỉ tính chất*** thiên về nêu các đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng. Một quy ước mang tính sư phạm như vậy được coi là hợp lí và giúp HS tránh được những thắc mắc không cần thiết trong quá trình học tập.

- Từ chỉ trạng thái :

Trạng thái là tình trạng của một sự vật hoặc một con người, tồn tại trong một thời gian nào đó. ***Từ chỉ trạng thái*** là từ chỉ trạng thái tồn tại của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.

VD : Trời đang **đứng** gió .
Người bệnh đang **hôn mê**.
Cảnh vật **yên tĩnh** quá.
Mặt trời **toả** ánh nắng rực rỡ.

Xét về mặt từ loại, ***từ chỉ trạng thái*** có thể là **ĐT**, có thể là **TT** hoặc mang đặc điểm của cả ĐT và TT (***từ trung gian***), song theo như định hướng trong nội dung chương trình SGK, ở cấp tiểu học , chúng ta thống nhất chỉ xếp chúng vào nhóm ĐT để HS dễ phân biệt.

Cụm TT**: Tính từ có thể kết hợp với các từ chỉ mức độ như : ***rất, hơi, lắm , ***quá, cực kì, vô cùng,...*** để tạo tạo thành cụm tính từ (khả năng kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh (như ĐT) ngay trước nó là rất hạn chế)

Trong cụm TT, các phụ ngữ ở phần trước có thể biểu thị quan hệ thời gian; sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất, sự khẳng định hay phủ định.Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị vị trí, sự so sánh, mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất.

d) Cách phân biệt các DT, ĐT,TT dễ lẫn lộn :

Để phân biệt các DT, ĐT,TT dễ lẫn lộn, ta thường dùng các phép liên kết (kết hợp) với các phụ từ.

****Danh từ :***

- Có khả năng kết hợp với các từ chỉ số lượng như : ***mọi, một, hai, ba***, ***những, các***,... ở phía trước (những ***tình cảm***, những ***khái niệm***, những ***lúc***, những ***nỗi đau***,...)

- DT kết hợp được với các từ chỉ định : *này, kia, ấy, nọ ,đó*,... ở phía sau (***hôm*** ấy, ***trận đấu*** này, ***tư tưởng*** đó,...)

- DT có khả năng tạo câu hỏi với từ nghi vấn ***ô nào***ô đi sau (***lợi ích*** nào ? ***chỗ*** nào? ***khi*** nào?...)

- Các ĐT và TT đi kèm ***: sự, cuộc, nỗi, niềm, cái***,... ở phía trước thì tạo thành một DT mới (***sự hi sinh, cuộc đấu tranh, nỗi nhớ, niềm vui***,...)

- Chức năng ngữ pháp thay đổi cũng cũng dẫn đến sự thay đổi về thể loại:

V.D: ***Sạch sẽ*** là mẹ sức khoẻ. (***sạch sẽ*** (TT) đã trở thành DT)

**** Động từ :***

- Có khả năng kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh : ***hãy , đừng , chớ***,... ở phía trước (hãy ***nhớ,*** đừng ***băn khoăn***, chớ ***hồi hộp***,...)

- Có thể tạo câu hỏi bằng cách đặt sau chúng từ ***bao giờ*** hoặc ***bao lâu*** (TT không có khả năng này) (***đến*** bao giờ? ***chờ*** bao lâu?...)

****Tính từ*** :

- Có khả năng kết hợp được với các từ chỉ mức độ như : ***rất , hơi, lắm, quá, cực kì, vô cùng***,... (rất ***tốt,*** đẹp ***lắm***,...)

*** Lưu ý** : Các ĐT chỉ cảm xúc (trạng thái) như ***: yêu, ghét, xúc động***,... cũng kết hợp được với các từ :***rất, hơi, lắm***,.... Vì vậy,khi còn băn khoăn một từ nào đó là ĐT hay TT thì nên cho thử kết hợp với ***hãy, đừng , chớ***,...Nếu kết hợp được thì đó là ĐT.

B) Bài tập:

Bài tập 1:Tìm danh từ chỉ khái niệm trong sốcác danh từ in đậm dưới đây:

Một **điểm** nổi bật trong **đạo đức** của Chủ tịch Hồ Chí Minh là **lòng thương người**…Chính vì thấy mất **nước** mất **nhà** tan…mà người đã ra đi học tập **kinh nghiệm cách mạng** để về giúp **đồng bào**.

Đặt câu với một danh từ chỉ khái niệm vừa tìm được.

Bài 2: Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Chúng tôi/ đứng/ trên/ núi/ Thung/.Nhìn/ sang/ trái/ là/ dòng/ sông/ Lam/ uốn/ khúc/ theo/ dãy/ núi/ Thiên Nhẫn/.Mặt/ sông/ hắt/ ánh/ nắng/ chiếu/ thành/ một/ đường/ quanh co/ trắng xóa/ .nhìn /sang/ phải/ là/ dãy/ núi/ Trác/ nối/ liền/ với/ dãy/ núi/Đại Huệ/.Xa xa/,trước/ mặt/ chúng/ tôi/,giữa/ hai/ dãy/ núi/ là/ nhà/ Bác Hồ.

Bài3: Tìm các danh từ, động từ trong đoạn văn sau:

Ong /xanh/ đảo /quanh / một /lượt, thăm dò,/rồi/ nhanh nhẹn /xông/ vào cửa /tổ /dùng/ răng /và /chân /bới/ đất./ Những /hạt đất/ vụn /do /dế /đùn /lên /bị hất /ra /ngoài/. Ong/ ngoạm /rứt,/ lôi /ra /một /túm lá /tươi./ Thế /là /cửa / đã /mở.

Bài 4:Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu văn sau.Đặtcâu hỏicho các bộ phận câu được in đậm.

Trước mặt Minh, đầm sen **rộng mênh mông**. **Những bông sen trắng, sen hồng** khẽ đu đưa nổi bật trên nền lá xanh mượt, giữa đầm,bác **Tâm** đang bơi thuyền đi hái hoa sen.Bác **cẩn thận ngắt từng bông , bó thành từng bó, ngoài bọc một chiếc lá rồi để nhè nhẹ vào lòng thuyền.**

Bài 5: Dùng bút gạch dưới những tính từ trong các đoạn văn sau:

a.Chủ tịch Hồ Chí Minh,vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, ra mắt đồng bào. Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo ka ki cao cổ, đi dép cao su trắng. Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Lời nói can cụ điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng.

b.Sáng sớm,trời quang hẳn ra. đêm qua một bàn tay nào đã giội rửa vòm trời sạch bóng.Màu mây xám đã nhường chỗ cho một màu trắng phớt xanh như màu men sứ. Đằng đông, phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi, ai đã ném lên bốn năm mảng mây hồng to tướng, lại điểm xuyết thêm ít nét mây mỡ gà vút dài thanh mảnh.

Bài 6: Hãy viết một câu có dùng tính từ

a.Nói về một người bạn hoặc người thân của me.

-Tính từ em chọn:

-Đặtcâu với tính từ đã chọn:

b.Nói về sự vật quen thuộc với em

-Tính từ emchọn

-Đătcâu với tính từ emchọn

Bài 7:Cho đoạn văn sau:

Xe/ chúng tôi/ leo /chênh vênh/ trên /dốc/ cao/ của/ con/ đường/ xuyên/ tỉnh/ Hoàng Liên Sơn/. Những /đám/ mây /trắng /nhỏ/ sà /xuống/ cửa kính/ ô tô /tạo nên /cảm giác/ bồng bềnh/ huyền ảo./ Chúng toi /đang/ đi/ bên /những/ thác /trắng xóa /tựa /mây trời,/ những /rừng/ cây/ âm âm/, những /bông/ hoa /chuối /đỏ rực/ lên/ như /ngọn /lửa./

a.Tìm các danh từ trong đoạn văn trên

b.Chỉ ra một số danh từ chỉ đơn vị trong các danh từ tìm được.

Bài 8 :

Cho các từ sau:

Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, cái, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, , chiếc, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phấn khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.

a)*xếp các từ trên vào 2 loại* : DT và không phải DT

b)*Xếp các DT tìm được vào các nhóm* : DT chỉ người, DT chỉ vật, DT chỉ hiện tượng, DT chỉ khái niệm, DT chỉ đơn vị.

** Đáp án* :

a)- DT :....

- Không phải DT: ***phấn khởi, tự hào, mong muốn.***

b)- .....

- DT chỉ hiện tượng : ***sấm , sóng thần, gió mùa***.
- DT chỉ khái niệm : ***văn học, hoà bình , truyền thống.***
- DT chỉ đơn vị : ***cái , xã, huyện.***

Bài 9 :

Cho các từ : ***cánh đồng, tình thương, lịch sử***. Hãy đặt thành 2 câu (với mỗi từ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau.

Đáp án* : **V.D: ***Cánh đồng*** rộng mênh mông / Em rất yêu ***cánh đồng*** quê em.

Bài 10 :

Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây :

- Anh ấy đang ***suy nghĩ***.
- Những ***suy nghĩ*** của anh ấy rất sâu sắc.
- Anh ấy sẽ ***kết luận*** sau.
- Những ***kết luận*** của anh ấy rất chắc chắn.
- Anh ấy ***ước mơ*** nhiều điều.
- Những ***ước mơ*** của anh ấy thật lớn lao.

**Đáp án* : Ý 1, 3, 5 là ĐT ; Ý 2, 4, 6 là DT.

Chính tả

Phân biệt s/x, dấu hỏi/ dấu ngã

A)Ghi nhớ:

- **X** xuêt hiện trong các tiếng có âm đệm (**xuề xoà, xoay xở, xoành xoạch, xuềnh xoàng,...), s** chỉ xuêt hiện trong một số ít các âm tiết có âm đệm như: **soát, soạt, soạn, soạng, suất.**
- **X** và **s** không cùng xuêt hiện trong một từ láy.
- Nói chung, cách phân biệt **x/s** không có quy luật riêng. Cách sửa chữa lỗi duy nhất là nắm nghĩa của từ, rèn luyện trí nhớ bằng cách đọc nhiều và viết nhiều.

Bài viết

.Chim gáy gặp chim lợn, chúng hỏi thăm nhau:

-Bác sắp chuyển nhà à?

-Tôi phải dời nhà sang phía đông.

-Tại sao bác phải làm thế?

-ở phía này,người ta ghép giọng ca của tôi lắm. Họ dùng cuốc xẻng lẫn gậy gọc xua đuổi tôi.

-Chắc bác phải đổi giọng ca, chứ dời nhà thì ăn nhằm gì!

Im lặng một lúc để suy nghĩ, chim gáy nói tiếp:

-Nhưng có lẽ tốt nhất thì bác nên rụt cổ, xếp cánh lại đế suốt đời không ca nữa!

B)Bài tập:

Bài tập 1: Điền **x/s:** (bài đã điền sẵn đáp án)

…ơ …uất	…uê ….ứ	…ót …a
…ơ …ài	…ứ …ở	…a …ôi
…ơ …ác	…ao …uyến	…ục …ôi
…ơ …inh	…inh …ôi	…inh …ắn

Bài tập 2: *Tìm 5 từ láy có phụ âm đầu* ***s****; 5 từ láy có phụ âm đầu* ***x****; 5 từ ghép có phụ âm đầu* ***s*** *đi với* ***x.***

Bài tập 3:

Tìm 4-5 từ có tiếng: ***sa, xác, xao, xát, sắc, song, sổ, xốc, xông, sôi, sơ, xơ, xuêt, suất, sử, xử.***

Thứ …ngày … tháng … năm 20…

Toán

Ôn tập về phân số

Bài 1:Rút gọn các phân số sau thành phân số tối giản.

$\frac{18}{45}\frac{18}{45}$; $\frac{35}{84};\frac{72}{120;};\frac{36}{108};\frac{35}{84};\frac{72}{120;};\frac{36}{108};$

b. Trong các phân số sau các phân số nào tối giản?

$\frac{21}{153}\frac{21}{153}$; $\frac{215}{560};\frac{29}{31;};\frac{110}{250};\frac{41}{43};\frac{31}{37}\frac{215}{560};\frac{29}{31;};\frac{110}{250};\frac{41}{43};\frac{31}{37}$

Rút gọn các phân số còn lại của câu b thành phân số tối giản.

Bài 2:Quy đồng tử số các phân số sau:

$\frac{2}{7}\frac{2}{7}$ và $\frac{5}{9};\frac{3}{8;};\frac{7}{11}va\frac{11}{13};\frac{6}{8}\frac{5}{9};\frac{3}{8;};\frac{7}{11}va\frac{11}{13};\frac{6}{8}$. $\frac{4}{5}\frac{4}{5}$; $\frac{8}{9}va\frac{9}{11;}\frac{8}{9}va\frac{9}{11;}$

b. Quy đồng mẫu số các phân số sau:

$\frac{2}{5}\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{7};\frac{2}{3;};\frac{3}{4}va\frac{5}{6};\frac{8}{9}\frac{3}{7};\frac{2}{3;};\frac{3}{4}va\frac{5}{6};\frac{8}{9}$; $\frac{7}{10}\frac{7}{10}$ và $\frac{8}{15};\frac{5}{7;};\frac{7}{8}va\frac{9}{11}$

$\frac{8}{15};\frac{5}{7;};\frac{7}{8}va\frac{9}{11}$

Bài 3: Hãy so sánh các cặp phân số sau;

$\frac{2}{7}\frac{2}{7}$ và $\frac{4}{9};\frac{4}{9;}va\frac{6}{10};\frac{3}{13}va\frac{6}{23}\frac{4}{9};\frac{4}{9;}va\frac{6}{10};\frac{3}{13}va\frac{6}{23}$; $\frac{4}{21}\frac{4}{21}$ và $\frac{6}{29}\frac{6}{29}$

Bài 4:Phân số $\frac{5}{7}\frac{5}{7}$ bé hơn phân số nào dưới đây?

$\frac{10}{21}\frac{10}{21}$; $\frac{15}{14};\frac{10}{14;};\frac{15}{28}\frac{15}{14};\frac{10}{14;};\frac{15}{28}$

Bài 5: Viết số thích hợp , khác 0 vào ô trống:.

$\frac{2}{9}\frac{2}{9}>\frac{\square}{9}\frac{\square}{9}$ b. $\frac{\square}{10}\frac{\square}{10}<\frac{3}{10}$ $c\frac{3}{10}$ c. $\frac{3}{5}\frac{3}{5}=\frac{\square}{6}\frac{\square}{6}$

Bài 6: Tìm các giá trị số tự nhiên khác 0 thích hợp của x để có:

$\frac{x}{5}\frac{x}{5} < \frac{4}{5}\frac{4}{5}$ $\frac{x}{17}\frac{x}{17} < \frac{2}{17}\frac{2}{17}$ $\frac{2}{3}\frac{2}{3} = \frac{12}{x}\frac{12}{x}$ $\frac{24}{36}\frac{24}{36} = \frac{x}{12}\frac{x}{12}$ $\frac{14}{56}\frac{14}{56} = \frac{1}{x}\frac{1}{x}$ $\frac{x}{125}\frac{x}{125} = \frac{2}{5}\frac{2}{5}$

Bài 7 : Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{12}{20} = \frac{6}{...} = \frac{3}{...}$ *b)* $\frac{2}{5} = \frac{...}{10} = \frac{...}{15} = \frac{...}{20}$ *c)* $\frac{24}{36} = \frac{8}{...} = \frac{2}{...}$ *d)* $\frac{3}{4} = \frac{...}{12} = \frac{...}{16} = \frac{...}{20}$

Bài 8: Trong các phân số sau đây, phân số nào bằng phân số $\frac{2}{3}$?

$\frac{3}{6}; \frac{4}{6}; \frac{12}{18}; \frac{24}{36}; \frac{24}{30}$

<u>Bài 9</u>:. Cho phân số $\frac{7}{19}\frac{7}{19}$ .Hỏi cùng phải thêm vào tử số và mẫu số cùng một số là bao nhiêu để được phân bằng phân số $\frac{1}{2}\frac{1}{2}$

Bài 10

a.Cho phân số $\frac{7}{13}\frac{7}{13}$. Hỏi thêm vào tử số bao nhiêu và bớt ở mẫu số đi bấy nhiêu để được phân số mới bằng phân số $\frac{2}{3}\frac{2}{3}$

b. Cho phân số $\frac{5}{11}\frac{5}{11}$. Hỏi phải bớt ở tử số bao nhiêu đơn vị và thêm vào mẫu số bấy nhiêu thì được phân số mới bằng $\frac{1}{3}\frac{1}{3}$

Thứ …ngày… tháng… năm 20…

<u>Tiếng Việt</u>

Ôn tập văn miêu tả cây cối

A- Phương pháp làm bài:

***Bước 1:** Xác định đối tượng miêu tả:

Cây định tả là cây gì? Của ai? Trồng ở đâu? Có từ bao giờ?...

***Bước 2:** Quan sát:

Quan sát toàn diện và cụ thể đối tượng miêu tả. Rút ra các nhận xét về:

- Tầm vóc, hình dáng, vẻ đẹp của cây (rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả,...).
- Màu sắc, hương thơm (tập trung nhất ở hoa, quả).
- Tác dụng của cây đó đối với môi trường xung quanh và cuộc sống con người.

***Bước 3:** Lập dàn ý:

Sắp xếp các chi tiết đã quan sát được theo mộtt trình tự hợp nhất định thành dàn ý.

***Bước 4:** Làm bài:

Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để từ dàn ý viết thành một bài văn tả cây cối hoàn chỉnh.

B- Dàn bài chung:

***Mở bài:**

Giới thiệu cây (tên gọi, nơi trồng, thời gian trồng,...).

***Thân bài:**

Tả cây (từ bao quát đến từng bộ phận cụ thể).

- Tầm vóc, hình dáng (lớn hay nhỏ, cao hay thấp, thanh mảnh hay sum sê,...).
- Rễ, thân, cành, lá,... có đặc điểm gì?
- Hoa, trái có đặc điểm gì? (về màu sắc, hương thơm, mùi vị,...). Thường ra vào

mùa nào trong năm?

- Cây gắn bó với môi trường sống và con người như thế nào?

***Kết bài:**

Cảm nghĩ của em về cây đó (yêu thích, nâng niu, chăm sóc,...).

C- Bài tập thực hành:

***Đề bài:** Dựa vào bài thơ ôCây dừaô, em hãy tả lại một cây dừa đáng yêu.

Cây dừa

Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.
Ai mang nước ngọt, nước lành
Ai đeo bao hũ gạo quanh cổ dừa.
Tiếng dừa làm dịu nắng trưa
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo
Trời trong đầy tiếng rì rào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra...
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.

(Trần Đăng Khoa)

Bài tập 1: (*Yêu cầu từ trước: Tìm và quan sát kĩ một cây dừa có trong thực tế*)

Đọc kĩ bài thơ ôcây dừaô và ghi nhận những đặc điểm của cây dừa qua thực tế và qua bài thơ.

Bài tập 2:

Diễn đạt lại những câu văn sau cho sinh động, gợi tả hơn:

- Cây dừa được trồng từ lâu.
- Thân dừa bạc phếch.
- Dáng dừa thẳng.
- Rễ dừa bò lan trên mặt đất.
- Tàu dừa như chiếc lược.
- Hoa dừa màu vàng.
- Quả dừa như đàn lợn con.
- Nước dừa ngọt.

Bài tập 3:

Hãy viết tiếp vào các dòng sau (dựa vào 2 khổ thơ cuối):

- Những buổi trưa hè,...

- Mỗi khi có cơn gió ùa tới,...
- Tiếng gió lùa vào kẽ lá, nghe như...
- Nhìn dáng vẻ đủng đỉnh của cây dừa,...

Bài tập 4:

Hãy chọn một mở bài và một kết bài phù hợp với nhữngnội dung đã miêu tả ở các bài tập trên.

Bài tập 5:

Hãy viết một bài văn hoàn chỉnh có đủ 3 phần MB, TB, KB dựa vào kết quả của các BT trên.

D- Bài tập tự luyện:

Đề 1: Nhà em (hoặc gần nơi em ở) có nhiều cây to. Hãy viết một đoạn văn tả một cây có nhiều kỉ niệm với em.

Đề 2: Em hãy tả vẻ đẹp của một cây hoa vào một lóc nào đó trong ngày (khi nắng sớm, lúc ban chiều,...).

Đề 3: Em hãy tả một cây chuối dang có buồng.

Đề 4: Em hãy tả một cây ăn quả đang mùa quả chín.

*Đề 5: Sân trường em (hoặc nơi em ở) thường có nhiều cây cho bóng mát. Hãy miêu tả một cây mà em yêu thích.

Em hãy lập dàn bài cho bài văn trên.

Đề 6 Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp riêng. Em hãy chọn tả một cây hoa mà em yêu thích nhất.

Đề 7: Mùa xuân đem đến cho ta bao sác màu của những loài hoa đệp. Hãy miêu tả một cây hoa thường nở vào dịp Tết trên quê hương em.

Đề 8: Em đã từng biết một vườn rau, vườn hoa hay vườn cây ăn quả trông thật đẹp mắt. Hãy tả một vài cây mà em yêu thích trong khu vườn đó.

Tuần 4

Thứ …ngày …. tháng … năm 20…

Toán

Ôn tập về phân số

Bài 1: Tính nhanh:

a) $\frac{5}{7}+\frac{7}{13}+\frac{19}{13}+\frac{6}{5}+\frac{9}{7}+\frac{9}{5}$

b) $\frac{1}{11}+\frac{2}{11}+\frac{3}{11}+\frac{4}{11}+\frac{5}{11}+\frac{6}{11}+\frac{7}{11}+\frac{8}{11}+\frac{9}{11}+\frac{10}{11}$

c) $\frac{1}{21}+\frac{2}{21}+\frac{3}{21}+\frac{4}{21}+\frac{5}{21}+...+\frac{17}{21}+\frac{18}{21}+\frac{19}{21}+\frac{20}{21}$

Bài 2: Tính nhanh:

a) $\frac{34}{31}-\frac{19}{28}-\frac{3}{31}$

b) $\frac{18}{13}+\frac{55}{46}-\frac{5}{13}$

c) $\frac{7}{3}+\frac{11}{5}-\frac{4}{3}$

d) $\left(\frac{27}{25}-\frac{4}{9}\right)-\left(\frac{2}{25}-\frac{5}{9}\right)$

Bài 3: Tính nhanh:

a) $\frac{4}{7}x\frac{5}{6}+\frac{3}{7}x\frac{5}{6}$

b) $\frac{5}{9}x\frac{1}{4}+\frac{4}{9}x\frac{3}{12}$

c) $\frac{7}{9}x\frac{8}{5}-\frac{7}{9}x\frac{3}{5}$

d) $\frac{2006}{2005}x\frac{3}{4}-\frac{3}{4}x\frac{1}{2005}$

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$\frac{1}{2}\times\frac{2}{3}\times\frac{3}{4}\times\frac{4}{5}\times\frac{5}{6}$

$\frac{1}{10}\times\frac{2}{9}\times\frac{3}{8}\times\frac{4}{7}\times\frac{5}{6}\times\frac{6}{5}\times\frac{7}{4}\times\frac{8}{3}\times\frac{9}{2}$

Bài 5: Tính:

a) $1-\cfrac{1}{1+\cfrac{1}{1+\frac{1}{2}}}$

b) $1+\cfrac{1}{1+\cfrac{1}{1+\frac{1}{2}}}$

c) $1+\dfrac{1}{2+\dfrac{1}{3}}$ d) $2+\dfrac{1}{1+\dfrac{1}{1+4}}$

e) $1+\dfrac{1}{1+\dfrac{2}{2+3}}$

Bài 6: Tìm x là số tự nhiên biết:

a) $\dfrac{x}{17}=\dfrac{60}{204}$ b) $\dfrac{6+x}{33}=\dfrac{7}{11}$ c) $\dfrac{12+x}{43-x}=\dfrac{2}{3}$

d) $\dfrac{x}{5}<\dfrac{3}{7}$ e) $1<\dfrac{11}{x}<2$ g) $\dfrac{15}{26}+\dfrac{x}{16}=\dfrac{46}{52}$

Bài 7:Tìm phân số $\dfrac{a}{b}\dfrac{a}{b}$ biết

a) $\dfrac{4}{9}\times\dfrac{4}{9}\times\dfrac{a}{b}\dfrac{a}{b}-\dfrac{1}{9}\dfrac{1}{9}=\dfrac{5}{27}\dfrac{5}{27}$

b) $\dfrac{19}{13}\times\dfrac{19}{13}\times\dfrac{a}{b}\dfrac{a}{b}-\dfrac{1}{7}\dfrac{1}{7}=\dfrac{40}{91}\dfrac{40}{91}$

Bài 8:Tính

a) $\dfrac{3\,x7x44}{9x33x14}\dfrac{3\,x7x44}{9x33x14}+\dfrac{12\,x5x49}{7x14x10}\dfrac{12\,x5x49}{7x14x10}=$

b) $\dfrac{12\,x49x5}{7x10x14}\dfrac{12\,x49x5}{7x10x14}-\dfrac{3\,x7x44}{9x14x33}\dfrac{3\,x7x44}{9x14x33}=$

Bài 8:Tính

a) $\dfrac{2}{3}\times\dfrac{2}{3}\times\dfrac{10}{21}:\dfrac{3}{2}\dfrac{10}{21}:\dfrac{3}{2}$ **b)** $\dfrac{22}{5}:\dfrac{22}{5}:12x\dfrac{5}{22}\dfrac{5}{22}$

c) $\dfrac{7}{2}+\dfrac{7}{2}+\dfrac{22}{21}:\dfrac{2}{7}\dfrac{22}{21}:\dfrac{2}{7}$ **d)** $\dfrac{5}{17}\dfrac{5}{17}:\dfrac{21}{4}:\dfrac{21}{4}x\dfrac{47}{15}\dfrac{47}{15}x0$

Thứ …. ngày… tháng … năm 20…

Chính tả

Nghe viết, phân biệt ch/tr –uôt/uôc

A)Ghi nhớ:

- Khả năng tạo từ láy của **tr** hạn chế hơn **ch**. **Tr** tạo kiểu láy âm là chính (trắng trẻo), còn **ch** cấu tạo vừa láy âm, vừa láy vần (**chông chênh, chơi vơi**) (**tr** chỉ xuêt hiện trong một vài từ láy vần : **trẹt lét, trọc lóc, trụi lũi**).
- Những danh từ (hay đại từ) chỉ quan hệ thân thuộc trong gia đình chỉ viết với **ch** (không viết **tr): cha, chú, cháu, chị, chồng, chàng, chút, chắt,...**
- Những danh từ chỉ đồ vật thường dùng trong nhà chỉ viết với **ch : chạn, chum, chén, chai, chõng, chiếu, chăn, chảo, chổi,...**
- Từ có ý nghĩa phủ định chỉ viết với **ch: chẳng, chưa, chớ, chả,...**
- Tấn cây, hoa quả; tấn các món ăn; cử động, thao tác của cơ thể, động tác lao động chân tay phần lớn viết với **ch.**
- Tiếng trong từ Hán Việt mang thanh nặng (.) và huyền (\) viết **tr.**

Bài viết

1.*Trai đang khoan khoái hà miệng phơi mình trên bãi cỏ ven sông thì bị Cò mổ luôn vào miệng. Trai bực quá, há thật rộng miệng, quắp chặt lấy cổ Cò, Hai con cứ giằng co nhau chẳng ai chịu ai.*

Một ông lão đánh cá từ đâu đi lại, hốt luôn cả hai con cho vào giỏ đem về làm một bữa. Thế là hết đời cả Trai lẫn Cò.

2*.Vậy làng tôi từ nay có điện. Nhớ những đêm xóm làng mù tối om. Người đi đường tay cầm bó đuốc sợ rắn chực giữa đường.Điện về, suốt đêm dân làng không ngủ. Niềm vui đến quá bất ngờ.*

B - Bài tập: (Một số bài đã điền sẵn đáp án)

Bài 1: *Điền ch / tr:*

Trong trẻo, tròn trĩnh, chập chững, chỏng chơ, trơ trọi, che chở, chúm chím, trẻ trung, chen chúc, chải chuốt, chạm trổ, trống trải.

Bài tập 2: *Điền từ ngữ có chứa các tiếng sau :*

trẻ ...	chẻ...
trấ ...	chấ...
tri ...	chi...
tro ...	cho ...

trợ ... chợ...

Bài tập 3:

*a) Điền **chung / trung:***

- Trận đấu ..... kết. *(chung)*
- Phá cỗ ..... Thu. (*Trung)*
- Tình bạn thuỷ .....(*chung)*
- Cơ quan ..... ương. *(trung)*

*b) Điền **chuyền** hay **truyền:***

- Vô tuyến .... hình. (*truyền)*
- Văn học ... miệng. *(truyền)*
- Chim bay .... cành. (*chuyền)*
- Bạn nữ chơi .... *(chuyền)*

Bài tập 4: *Điền tiếng chứa **ch / tr:***

Miệng và chân .... cãi rất lâu,...nói :

- Tôi hết đi lại ..., phải... bao điều đau đớn, nhưng đến đâu, cứ có gì ngon là anh lại được xơi tất. Thật bất công quá!

Miệng từ tốn ... lời:

- Anh nói ...mà lạ thế! Nếu tôi ngừng ăn, thì liệu anh có bước nổi nữa không nào?

Bài tập 5:

Tìm 4-5 từ có chứa tiếng : ***cha, chả, chai, trải, chạm, tranh, châm, chân, châu, che, trí, chí, triều, chông, trống, trở, chuyền, trương, chướng.***

Luyện từ và câu
Ôn tập câu kể kiểu:
Ai làm gì? Ai là gì? Ai thế nào?

A) Ghi nhớ:

- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật) là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc; hoặc dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư của mỗi người. Cuối câu kể phải ghi dấu chấm.
- Câu kể có các cấu trúc: ***Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?***

a) Câu kể : ***Ai làm gì ?***

- Gồm 2 bộ phận : Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ (CN), trả lời cho câu hỏi: ***Ai (Con gì; Cái gì)*** ? Bộ phận thứ 2 là vị ngữ (VN),trả lời cho câu hỏi: ***Làm gì ?***

- VN trong câu kể ***Ai làm gì ?*** nêu lên hoạt động của người, con vật (hoặc đồ vật, cây cối được nhân hoá. VN có thể là : Động từ hoặc cụm ĐT.

- CN trong câu kể ***Ai là gì ?*** chỉ sự vật (người,con vật hay đồ vật, cây cối được nhân hoá) có hoạt động được nói đến ở VN. CN thường do danh từ hoặc cụm DT tạo thành.

b)Câu kể ***Ai thế nào?***

- Câu kể ***Ai thế nào ?*** gồm 2 bộ phận chính : CN trả lời cho câu hỏi : ***Ai (cái gì , con gì)?*** Vn trả lời cho câu hỏi : ***thế nào ?***

- VN trong câu kể ***Ai thế nào?*** chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật được nói đến ở CN. VN thường do tính từ , động từ (hoặc cụm TT, cụm ĐT) tạo thành.

- CN trong câu kể ***Ai thế nào?*** chỉ những sự vật có đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái được nêu ở VN. CN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

c) Câu kể ***Ai là gì?***

- Câu kể ***Ai là gì?*** gồm 2 bộ phận. Bộ phận thứ nhất là CN, trả lời cho câu hỏi: ***Ai (cái gì, con gì) ?*** Bộ phận thứ 2 trả lời cho câu hỏi : ***là gì (là ai, là con gì)?***

- Câu kể ***Ai là gì ?*** được dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về một người, một vật nào đó.

- Trong câu kể ***Ai là gì?*** VN được nối với CN bằng từ **là** VN thường do DT(hoặc cụm DT) tạo thành.

- CN trong câu kể ***Ai là gì?*** chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở VN. CN trả lời cho câu hỏi : ***Ai (con gì, cái gì) ?*** CN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

B) Bài tập: (**Lưu ý** : *Một số BT sẽ ghi đáp án luôn ở phần đề bài*)

Bài 1:

*Tìm câu kể **Ai làm gì?** trong đoạn văn sau rồi gạch dưới các bộ phận VN của từng câu tìm được:*

Bàn tay mền mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bống. Tấm ngắm nhìn bống. Tấm nhúng bàn tay xuống nước vuốt nhẹ hai bên lườn của cá*. Cá đứng im trong tay chị Tấm.

Phần tách CN và VN của câu này chép theo đáp án của tài liệu gốc, nhưng như vậy rất khó xác định ĐT trung tâm , theo quan điểm của tôi thì VN chỉ là ***vuốt nhẹ hai bên lườn của cá* . Nếu muốn giữ đáp án như tài liệu gốc thì nên thêm dấu phẩy vào cho rõ ràng : ***Tấm / nhúng bàn tay xuống nước, vuốt nhẹ hai bên lườn của cá.***

Bài 2: *Dùng gạch (/) tách CN và VN trong từng câu sau và cho biết VN trong từng câu là ĐT hay cụm ĐT.*

a) ***Em bé / cười***. (ĐT)

b) ***Cô giáo /đang giảng bài*** . (Cụm ĐT)

c) ***Đàn cá chuối con / ùa lại tranh nhau đớp tới tấp *.*** (Cụm ĐT)

Phần tách CN và VN của câu này chép theo đáp án của tài liệu gốc , nhưng như vậy rất khó xác ĐT trung tâm, theo quan điểm của tôi thì VN chỉ là ***tranh nhau đớp tới tấp* . Nếu muốn giữ đáp án như tài liệu gốc thì nên thêm dấu phẩy cho rõ ràng : ***Đàn cá chuối con / ùa lại, tranh nhau đớp tới tấp.***

Bài 3: *Đặt 2 câu kể **Ai làm gì?** Trong đó một câu có VN là ĐT, một câu có VN là cụm ĐT.*

Bài 4: *Tìm CN, VN, trạng ngữ của các câu văn sau:*

Cá Chuối mẹ / lại bơi về phía bờ, rạch lên rìa nước, nằm chờ đợi. Bỗng nhiên, nghe như có tiếng bước chân rất nhẹ, Cá Chuối mẹ / nhìn ra, thấy hai con mắt xanh lè của mụ mèo đang lại gần. Cá Chuối mẹ / lấy hết sức định nhảy xuống nước. Mụ mèo / đã nhanh hơn, lao phắp tới cắn vào cổ Cá Chuối mẹ. Ở dưới nước, đàn cá chuối con /chờ đợi mãi không thấy mẹ.

Bài 5: *Tìm các câu kể Ai thế nào? rồi gạch dưỡi các bộ phận VN.*

Rừng hồi ngào ngạt, xanh thẫm trên các quả đồi quanh làng. Một mảnh lá gãy cũng dậy mùi thơm. Gió càng thơm ngát. Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe. Cành hồi giòn , dễ gãy hơn cả cành khế. Quả hồi phơi mình xoè trên mặt lá đầu cành*.

**Chú thích tương tự BT1 và BT2*

Bài 6: *VN trong các câu kể **Ai thế nào ?** tìm được ở BT5 biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ thế nào tạo thành?*

Bài 7:

*Tìm câu kể **Ai là gì?** và nêu tác dụng của từng câu .*

a) Tớ / là chiếc xe lu (*giới thiệu*)

Người tớ to lù lù.

b) Bông cúc / là nắng làm hoa
Bướm vàng / là nắng bay xa lượn vòng
Lúa chín /là nắng của đồng
Trái thị, trái hồng ,.../ là nắng của cây. (*nhận định về sự vật*)

c) Tôi / là chim chích (*giới thiệu*)
Sống ở cành chanh.

Bài 8:

*VN trong các câu **Ai là gì ?** ở BT7 là DT hay cụm DT?*

Bài 9: Tìm những câu kể Ai làm gì ? trong đoạn văn dưới đây. Dùng gạch chéo để tách bộ phận chủ ngữ và vị ngữ vủa từng câu tìm được.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi ,vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học. Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ. Sau một hồi trống, mấy người học trò cũ sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp.

Bài 10: Gạch dưới chủ ngữ của từng câu kể Ai làm gì?trong đoạn văn sau. Chủ ngữ do danh từ hay cụm danh từ tạo thành?

Ông kéo tôi vào sát người, xoa đầu tôi, cười rát hiền. Bàn tay ram ráp của ông xoa nhẹ lên hai má tôi. Từ đó, tối tối, ông thường sang uống trà với ba tôi. Hai người trò chuyện có hôm tới khuya. Những buổi chiều, ba tôi thường gửi chìa khóa cho ông.

***Bài* 11**: Tìm các câu kể Ai thế nào? Trong đoạn văn sau. Dùng dấu gạch chéo tách chủ ngữ, vị ngữ từng câu tìm được.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao. Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sác vung lên. Lá cọ xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, một rừng mây trời mới mọc. Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ.

Thứ… ngày… tháng … năm 20….

Toán

Ôn tập giải toán có lời văn về phân số

Bài 1 - Lớp 4B có 35 học sinh. Số học sinh nữ bằng 2/5 số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam. *(2 cách)*

Bài 2 - Lớp 4A có 18 học sinh nam. Số học sinh nữ bằng 2/3 số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh ? *(2 cách)*

Bài 3 - Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 36m, chiều rộng bằng 2/3 chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh đất.

Bài 4 - Một hình chữ nhật có chiều dài 3/5m, chiều rộng bằng 3/4 chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 5a) Một cửa hàng có 15 tạ gạo. Đã bán 2/3 số gạo. Hỏi cửa hàng còn lại ? kg gạo?

b) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 25m, rộng 18m. Người ta sử dụng 2/5 diện tích để đào ao, phần đất còn lại để làm vườn. Tính diện tích phần đất làm vườn.

Bài 6- Hùng có một số tiền, Hùng đã tiêu hết 45000 đồng. Như vậy số tiền còn lại bằng 3/5 số tiền đã tiêu. Hỏi lúc đầu Hùng có bao nhiêu tiền?

Bài 7 - Lớp 4A có 18 học sinh nam. Số học sinh nam bằng 2/3 số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ.*(2 cách)*

Bài 8 - Lớp 4B có 12 học sinh nữ. Số học sinh nữ bằng 2/3 số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh. *(2 cách)*

- Lớp 4B có 15 học sinh nam. Số học sinh nam bằng 5/4 số học sinh nữ. Hỏi lớp 4B có bao nhiêu học sinh? *(2 cách)*

Bài 9 - 3/5 số học sinh giỏi của lớp 5A là 6 em. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh giỏi?

- Tìm chiều dài của một đoạn đường, biết 3/5 đoạn đó bằng 9/10 km.
- Có hai thùng dầu. Biết 2/3 số dầu ở thùng thứ nhất là 24 lít. 3/4 số dầu ở thùng thứ hai là 36 lít. Hỏi cả hai thùng có tất cả bao nhiêu lít dầu ?
- Khối 5 có 3 lớp. Biết 2/3 số học sinh của lớp 5A là 18 học sinh; 3/4 số học sinh của lớp 5B là 24 học sinh; 4/7 số học sinh của lớp 5C là 16 học sinh. Hỏi khối 5 có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Bài 10

a)- Hải có một số tiền, Hải đã tiêu hết 45000 đồng. Như vậy số tiền đã tiêu bằng 2/3 số tiền Hải có ban đầu. Hỏi sau khi tiêu, Hải còn lại bao nhiêu tiền?

b)- Hùng có một số tiền, Hùng đã tiêu hết 36000 đồng. Như vậy số tiền đã tiêu bằng 3/4 số tiền còn lại. Hỏi lúc đầu Hùng có bao nhiêu tiền?

Bài 11

a)- Lan có 84000 đồng, Lan mua vở hết 2/7 số tiền, mua sách hết 3/5 số tiền. Hỏi Lan còn lại bao nhiêu tiền? *(2 cách)*

b)- Lớp 4A có 35 học sinh. Cuối năm học, có 2/7 số học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi, 2/5 số học sinh đạt danh hiệu học sinh Tiên Tiến. Hỏi có ? học sinh không đạt danh hiệu. *(2 cách)*

c)- Tuổi anh bằng 2/5 số tuổi bố, tuổi em bằng 2/9 số tuổi bố. Tính tuổi mỗi người biết tuổi bố là 45 tuổi.

Bài 12- Tuổi anh bằng 2/5 số tuổi bố, tuổi em bằng 1/2 số tuổi anh. Tính tuổi mỗi người biết tuổi bố là 45 tuổi.

- Số tuổi em bằng 2/9 số tuổi bố và bằng 5/9 số tuổi anh. Tính tuổi mỗi người biết tuổi bố là 45 tuổi.

Bài 13- Một cửa hàng có 96kg muối. Buổi sáng bán được 24kg muối, buổi chiều bán 3/8 số
muối. Hỏi cả hai buổi cửa hàng đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam muối.

- Một cửa hàng có 196kg gạo. Ngày đầu bán được 84kg gạo ngày thứ hai bán 3/4 số gạo còn lại. Hỏi sau hai ngày bán cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô -gam gạo.

Bài 14- Chị Hồng có 42 cái kẹo, chị cho An 2/7 số kẹo, cho Bình 3/5 số kẹo còn lại. Hỏi cuối cùng chị Hồng còn lại bao nhiêu cái kẹo

Thứ… ngày… tháng … năm 20….

Tiếng Việt: Ôn tập: Miêu tả con vật

A- Phương pháp làm bài:

***Bước 1:** Xác định đối tượng miêu tả.

Con vật em định tả là con gì? Của ai? Nuôi đã được bao lâu?...

***Bước 2:** Quan sát con vật:

- Quan sát con vật trong môi trường sống của nó. Chú ý tới ngoại hình với những đặc điểm tiêu biểu về hình dáng, màu sắc, đường nét,...
- Quan sát những đặc tính bên trong của con vật, thể hiệnqua tính nết, hành đọng của con vật. Chỏna những nét thể hiện rõ nhất đặc tính chung của giống loài và những nét mang tính cá thể, riêng biệt của con vật.
- Nhận xét về mối quan hệ giữa con vật với môi trường xung quanh và đời sống con người.

***Bước 3:** Lập dàn ý chi tiết, ghi rõ những nội dung cần miêu tả.

***Bước 4:** Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để phát triển dàn ý thành một bài văn tả loài vật hoàn chỉnh.

B- Dàn bài chung:

*** Mở bài**:

Giới thiệu con vật (tên gọi). Con vật này của ai? Nuôi từ bao giờ?...

***Thân bài:**

Tả con vật (từ bao quát đến từng bộ phận cụ thể).

- Tả ngoại hình: Hình dáng, tầm vóc, màu sắc , đường nét cùng các bộ phận đầu, tai, mũi, miệng, chân, đuôi,...

Chú ý: Tuỳ từng con vật mà hình dáng bề ngoài được nhấn mạnh vào những chi tiết tiêu biểu nhất. Không nhất thiết phải tả tỉ mỉ từng bộ phận.

- Tả đặc tính và hoạt động của con vật: Chọn ra những điểm tiêu biểu nhất thể hiện được đặc tính chung của giống loài (mèo khác chó, bò khác heo, gà khác vịt,...) và đặc tính (tính nết) riêng của con vật trong ăn uống, hoạt động,...
- Tác dụng của con vật đối với đời sống con người.

***Kết bài:** Cảm nghĩ của em đối với con vật được tả.

C- Bài tập:

Đề bài 1:

Mẹ dang đôi cánh Bây giờ thong thả

Con biến vào trong Mẹ đi lên đầu
Mẹ ngẩng đầu trông Đàn con bé tí
Bọn diều bọn quạ Líu díu theo sau

(Phạm Hổ)

Dựa vào đoạn thơ trên, em hãy tả đàn gà con đang theo mẹ đi kiếm mồi.

Bài tập 1: *Hãy tìm và quan sát một đàn gà mẹ con đang đi kiếm mồi.*

Bài tập 2: *Tìm các từ ngữ điền vào chỗ trống để diễn tả đặc điểm của những chú gà con:*

- Nhìn từ xa, những chú gà con trông như...
- Đến gần, nom chúng tựa...
- Con nào con nấy...
- Chiếc mỏ...
- Đôi mắt...
- Hai bàn chân...

Bài 3: *Dựa vào 3 câu văn sau, hãy viết một đoạn văn diễn tả hoạt động kiếm mồi của đàn gà mẹ con:*

Gà mẹ dẫn con ra cạnh đống rơm. Cả đàn con xúm lại. Những bàn chân nhỏ xíu thoăn thoắt bới đất.

Bài tập 4: *Dựa vào tình huống sau, hãy viết một đoạn văn (5-7 câu) diễn tả hoạt động của đàn gà mẹ con khi gặp kẻ thù:*

Trên trời bỗng xuất hiện một con diều hâu. Gà mẹ xù lông. Diều hâu lượn mấy vòng rồi biến mất.

Bài tập 5: *Tìm thêm phần MB và KB rồi viết lại thành một bài văn hoàn chỉnh có đủ 3 phần* (Lưu ý sử dụng các câu nối và từ nối để liên kết các đoạn văn.

Đề 2: *Trước cửa chuồng chim bồ câu, chim mẹ vừa đi kiếm mồi về đang mớm cho con. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 dòng) tả lại cảnh đôi chim mẹ con ấy dựa vào các ý sau:*

- Chim mẹ kiếm được mồi, tha về tổ mớm cho con.
- Chim con ra tận cửa tổ đón mẹ, mỏ há rộng chờ đợi.
- Chim mẹ mớm thức ăn cho con với vẻ yêu thương, trìu mến.

Tuần 5

Thứ …ngày …tháng… năm 20…

Toán

Ôn tập hình học

Bài tập 1: Một khu rừng dạng hình bình hành có chiều cao là 500m, độ dài đáy gấp đôi chiều cao. Tính diện tích của khu rừng đó.

Bài 2: Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy là 100m, chiều cao là 50m. Người ta trồng lúa ở đó, tính ra cứ 100m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi đã thu hoạch được ở thửa ruộng đó bao nhiêu tạ thóc?

Bài 3: Diện tích một hình chữ nhật là 7209m^2. Chiều dài hình chữ nhật là 89m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

Bài 4: Một hình chữ nhật có chu vi là 198m. Chiều dài hơn chiều rộng 17m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 5 ; Hai hình vuông có tổng chu vi là 136 cm. Hiệu số đo hai cạnh hình vuông là 4 cm. Tính diện tích mỗi hình vuông.

Bài 6 :Hai cái đáy thùng hình vuông có kích thước gấp nhau 4 lần và cùng được cắt ra từ một lá tôn. Tổng khối lượng của hai đáy thùng là 3400g. Tính khối lượng mỗi đáy thùng.

Bài 7 : Một hình chữ nhật có chu vi bằng 3 lần chiều dài. Biết chiều rộng bằng 20m. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài 8 : Một hình chữ nhật có chu vi bằng 5 lần chiều rộng. Biết chiều dài bằng 60m. Tìm diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 9 : Một hình chữ nhật có chiều dài gấp rưỡi chiều rộng và chu vi là 180m. Người ta kéo chiều dài thêm 5m. Hỏi phải kéo chiều rộng thêm bao nhiêu mét để được một hình vuông?

Bài 10: Một hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Kéo dài chiều dài thêm 18m, chiều rộng thêm 24 m, thì được một hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Bài 11:Một hình vuông nếu bớt1 cạnh 9cm và tăng cạnh kề với nó 9cm thì trở thành hình chữ nhật có chiều dài gấp đoi chiều rộng. Tính diệntích hình vuông đó.

Bài 12: Một hình chữ nhật có chu vi là 280m, nếu bơt chiều dài đi $\frac{1}{5}\frac{1}{5}$ của nó thì được 1 hình chữ nhật mới có chu vi là 248m. Tính chiều dài và hình chữ nhật ban đầu.

Bài 13:Một hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 28m, nếu bớt chiều rộng đi 8m thêm vào chiều dài 4m thì được 1 hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng $\frac{1}{5}\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính kích thước hình chữ nhật ban đầu.

Thứ … ngày … tháng … năm 20…

Tiếng Việt

ÔN TẬP CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM VÀ TÁC DỤNG CỦA DẤU HAI CHẤM, DẤU NGOẶC KÉP.....

A.Kiến thức cần ghi nhớ

1. Câu hỏi:

- Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

- Phần lớn câu hỏi là để hỏi người khác, nhưng cũng có câu hỏi dùng để tự hỏi mình.

- Câu hỏi thường có các từ nghi vấn: ***ai, gì, nào,sao, không***,...Khi viết, cuối câu hỏi phải có dấu chấm hỏi

2. Câu khiến :

- Câu khiến (câu cầu khiến, câu mệnh lệnh) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn ,... của người nói, người viết với người khác.

- Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.

- Muốn đặt câu khiến, có thể dùng một trong những cách sau :

+ Thêm từ ***hãy*** hoặc ***đừng, chớ, nên, phải***,... vào trước ĐT.

+ Thêm từ ***lên*** hoặc ***đi, thôi, nào***,...vào cuối câu.

+ Thêm từ ***đề nghị*** hoặc ***xin, mong***,...vào đầu câu.

- Dùng giọng điệu phù hợp với câu khiến.

Lưu ý** : Khi nêu yêu cầu, đề nghị, phải giữ phép lịch sự. Muốn vậy, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau ĐT các từ ***Làm ơn, giùm, giúp,...

- Ta cũng có thể dùng câu hỏi để nêu yêu cầu, đề nghị.

3.Câu cảm:

- Câu cảm (câu cảm thán) là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót , ngạc nhiên,...) của người nói.

- Trong câu cảm, thường có các từ : ***Ôi ,chao, chà, quá, lắm ,thật***,...Khi viết, cuối câu cảm thường có dấu chấm than

4.Dấu câu

*Dấu câu là kí hiệu chữ viết để biểu thị ngữ điệu khác nhau. Những ngữ điệu này lại biểu thị những quan hệ ngữ pháp khác nhau và những mục đích nói khác nhau.

*Mười dấu câu thường dùng là: ***Dấu chầm, chấm hỏi, chấm than (chấm cảm), dấu phẩy, chấm phẩy, hai chấm, gạch ngang, ngoặc đơn, ngoặc kép, chấm lửng(ba chấm).***

a) Dấu chấm:

Dấu chấm đặt ở cuối câu báo hiệu câu đã kết thúc. Viết hiết câu phải ghi dấu chấm. Khi đọc, gặp dấu chấm phải hạ giọng và nghỉ hơi (nghỉ hơi một quãng bằng khoảng thời gian đọc một chữ). Chữ cái đầu câu phải viết hoa. Dấu chấm thường đặt ở cuối câu kể, đồng thời có khả năng đánh dấu sự kết thúc của một đoạn văn.

b) Dấu phẩy :

- Dấu phẩy được đặt xen kẽ trong câu. Một câu có thể có một hoặc nhiều dấu phẩy. Khi đọc, gặp dấu phẩy phải ngắt hơi ngắn (thời gian ngắt hơi bằng bằng nửa quãng nghỉ hơi sau dấu chấm). Dấu phẩy giúp cho các ý, các phần trong câu được phân cách rõ ràng.

- Dấu phẩy dùng để :

+ Tách các bộ phận cùng loại (đồng chức) với nhau.

+ Tách các bộ phận phụ với nòng cốt câu.

+ Tách các vế câu ghép.

c) Dấu chầm hỏi:

Dùng đặt cuối câu hỏi. Khi đọc câu có dấu chấm hỏi, cần nhấn mạnh vào nội dung cần hỏi .Thời gian nghỉ lấy hơi sau dấu phẩy như dấu chấm.Sau dấu chầm hỏi, bắt đầu một câu khác, phải viết hoa chữ cái đầu câu.

d) Dấu chấm than (dấu chấm cảm):

Là dấu câu dùng để đặt cuối câu cảm hoặc câu khiến.Khi gặp dấu chấm cảm phải nghỉ hơi như dấu chấm.

e) Dấu chấm phẩy:

Là dấu dùng đặt giữa các vế câu hoặc các bộ phận đẳng lập với nhau. Khi đọc phải ngắt ở dấu chấm phẩy, ngắt quãng dài hơn so với dấu phẩy và ngắn hơn so với dấu chấm.

f) Dấu hai chấm: Là dấu dùng để:

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời nói trực tiếp của người khác được dẫn lại (dùng kèm dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng).

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời giải thích, thuyết minh cho bộ phận đứng trước nó.

g) Dấu gạch ngang: Là dấu câu dùng để:

- Đặt trước những câu hội thoại.
- Đặt trước bộ phận liệt kê.
- Dùng để tách phần giải thích với các bộ phận khác của câu.
- Dùng để đặt trước các con số, tên riêng để chỉ sự liên kết.

h) Dấu ngoặc đơn: Là dấu câu dùng để:

- chỉ ra nguồn gốc trích dẫn.
- Chỉ ra lời giải thích.

i) Dấu ngoặc kép: Dùng để:

- Báo hiệu lời dẫn trực tiếp.
- Đánh dấu tên một tác phẩm.
- Báo hiệu những từ trong ngoặc kép phải hiểu theo nghĩa khác với nghĩa vốn có của nó hoặc hiểu theo nghĩa ngược lại, mỉa mai.

k) Dấu chấm lửng (dấu ba chấm): Dùng để :

- Biểu thị lời nói bị đứt quãng vì xúc động.
- Ghi lại những chỗ kéo dài của âm thanh.
- Chỉ ra rằng người nói chưa nói hết

B.Bài tập

Bài 1: *Dựa vào các tình huống sau, hãy đặt câu hỏi để tự hỏi mình:*

a) Tự hỏi mình về một người trông rất quen nhưng không nhớ tên.

b) Một dụng cụ học tập cần tìm mà chưa thấy.

c) Một công việc mẹ dặn nhưng quên chưa làm.

Bài 2 : *Trong từng câu sau, mục đích dùng câu hỏi để làm gì?*

a) Anh chị nói nhỏ một chút có được không?

b) Sao bạn chịu khó thế ?

c) Sao con hư thế nhỉ ?

d) Cậu làm như thế này là đúng à ?

e) Tớ làm thế này mà sai à ?

Bài 3 : *Hãy đặt 3 câu khiến tương ứng với 3 tình huống sau :*

a) Mượn bạn một cuốn truyện tranh.

b) Nhờ chị lấy hộ cốc nước.

c) Xin bố mẹ cho con về quê thăm ông bà.

Bài 4: *Đặt câu khiến theo các yêu cậu dưới đây:*

a) Câu khiến có từ ***đừng*** (hoặc ***chớ, nên , phải***) ở trước ĐT làm VN.

b) Câu khiến có từ ***lên*** (hoặc ***đi, thôi***) ở cuối câu.

c) Câu khiến có từ ***đề nghị*** ở đầu câu.

Bài 3 :

Em hãy nêu các tình huống có thể dùng câu khiến đã đặt ở bài tập 2.

Bài 5 :

a) Đặt câu khiến có từ ***Làm ơn*** đứng trước ĐT.

b) Đặt câu khiến có từ ***giúp (giùm***) đứng sau ĐT.

Bài 6: *Đặt câu cảm , trong đó có :*

a) Một trong các từ : ***Ôi, ồ, chà*** đứng trước.

b) Một trong các từ ***lắm , quá, thật*** đứng cuối.

Bài 7: *Chuyển các câu sau thành các loại* **câu hỏi, câu khiến, câu cảm**:

a) ***Cánh diều bay cao.***

b) ***Gió thổi mạnh.***

c) ***Mùa xuân về.***

Bài 8: *Hãy diễn đạt cảm xúc của mình trong những tình huống sau đây bằng những câu cảm :*

a) Được đọc một quyển truyện hay.

b) Được tặng một món quà hấp dẫn.

c) Bất ngờ gặp lại một người bạn thân xa nhau đã lâu.

d) Làm hỏng một việc gì đó.

e) Gặp phải một sự rủi ro nào đó.

Bài 9: *Trong những câu sau đây, dấu hai chấm có tác dụng gì?*

a) Sự vật xung quanh tôi có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

b) Bố dặn bé Lan: "***Con phải học bài xong rồi mới đi chơi đấy***!".

Bài 10: *Đặt 2 câu có dùng dấu ngoặc đơn:*

- Phần chú thích trong ngoặc đơn làm rõ ý một từ ngữ.
- Phần chú thích cho biết xuêt xứ của đoạn văn.

Thứ … ngày … tháng … năm 20….

Toán

Ôn tập giải toán có lời văn

Bài 1: Tìm hai số biết trung bình cộng của chúng là 875 và số lớn hơn trong hai số là số lớn nhất có ba chữ số.

Bài 2: Cho hai số biết số lớn là 1516 và số này lớn hơn trung bình cộng của hai số là 173. Tìm số bé.

Bài 3 : Tìm 7 số chẵn liên tiếp , biết trung bình cộng của chúng là 1886.

Bài 4: Tổng của hai số bằng số lớn nhất có bốn chữ số .Tỉ số giữa số lớn và số bé bằng số nhỏ nhất có hai chữ số. Tìm hai số đó.

Bài 5: Bố cho hai anh em 36 nhãn vở ,anh cho em 5 nhãn vở thì số nhãn vở của em bằng $\frac{5}{4}$ $\frac{5}{4}$ số nhãn vở của anh. Hỏi lúc đầu bố cho mỗi anh em mấy nhãn vở ?

Bài 6: Tổng của hai số bằng 375. Nếu thêm 15 đơn vị vào số thứ nhất và giảm 40 đơn vị ở số thứ hai thì ta được số thứ hai bằng $\frac{3}{4}$ $\frac{3}{4}$ số thứ nhất. Tìm hai số đó.

Bài 7:Cho hai số có hiệu bằng tổng của số bé nhất có ba chữ số và số bé nhất có hai chữ số. Số bé bằng $\frac{3}{5}$ $\frac{3}{5}$ số lớn. Tìm hai số đó.

Bài 8 : Hiệu của hai số bằng 50. Nếu số lớn bớt đi 8 đơn vị và thêm vào số bé 7 đơn vị thì số lớn gấp hai lần số bé. Tìm hai số đó.

Bài 9: Một cửa hàng có 398 lít nước mắm đựng trong hai thùng. Nếu bớt ở thùng thứ nhất 50 lít chuyển sang thùng thứ hai thì thùng thứ hai sẽ hơn thùng thứ nhất 16 lít. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít nước mắm/

Bài 10: Tìm hai số có hiệu bằng 129 và nếu lấy số thứ nhất cộng số thứ hai và cộng tổng của chúng thì được 2010.

Bài 11: Năm nay con 25 tuổi, nếu tính sang năm thì tuổi cha gấp 2 lần tuổi con hiện nay. Hỏi lúc cha bao nhiêu tuổi thì tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi cha?

Bài 12: Một lớp có $\frac{1}{3}$ số học sinh nam bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nữ. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ 12 bạn. Tính số học sinh nam, số học sinh nữ của lớp đó.

Thứ … ngày … tháng … năm 20…

Tiếng Việt

Ôn tập Cảm thụ văn học

A.Khái niệm về cảm thụ:

- Cảm thụ văn học (CTVH) là sự cảm nhận những giá trị nổi bật, những điều sâu sắc, tế nhị và đẹp đẽ của văn học thể hiện trong tác phẩm (trong cuốn truyện, bài văn, bài thơ,...) hay một bộ phận của tác phẩm (đoạn văn, đoạn thơ,...) thậm chí là một từ ngữ có giá trị trong câu văn, câu thơ.
- Khi đọc (hoặc nghe) một câu chuyện, một bài thơ, ta không những hiểu mà còn phải xúc cảm, tưởng tượng và thật sự gần gũi, nhập thân với những gì đã đọc. Đọc có suy ngẫm, tưởng tượng và rung động thật sự sẽ giúp ta CTVH tốt.
- Để có được năng lực CTVH sâu sắc và tinh tế, cần có sự say mê, hững thú khi tiếp xúc với thơ văn; chịu khó tích luỹ vốn hiểu biết về thực tế cuộc sống và văn học, nắm vững kiến thức cơ bản về Tiếng Việt phục vụ cho CTVH; kiên trì rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn về CTVH.

<u>Kĩ năng viết một đoạn văn về CTVH:</u>

Để làm được một bài tập về CTVH đạt kết quả tốt, các em cần thực hiện đầy đủ cácc bước sau:

***Bước 1**: Đọc kĩ đề bài, nắm chắc yêu cầu của bài tập (yêu cầu phải trả lời được điều gì? Cần nêu bật được ý gì?...)

***Bước 2:** Đọc và tìm hiểu về câu thơ (câu văn) hay đoạn trích được nêu trong đề bài.

- Đọc : Đọc diễn cảm, đúng ngữ điệu (có thể đọc thành tiếng hoặc đọc thầm). Việc đọc đúng, đọc diễn cảm sẽ giúp mạch thơ, mạch văn thêm vào tâm hồn các em một cách tự nhiên, gây cho các em những cảm xúc, ấn tượng trước những tín hiệu nghệ thuật xuêt hiện trong đoạn văn, đoạn thơ.

- Tìm hiểu: Dựa vào yêu cầu cụ thể của bài tập như cách dùng từ, đặt câu, cách dùng hình ảnh, chi tiết, cách sử dụng biện pháp nghệ thuật quen thuộc như so sánh, nhân hoá,...cùng với những cảm nhận ban đầu qua cách đọc sẽ giúp các em cảm nhận được nội dung, ý nghĩa đẹp đẽ, sâu sắc toát ra từ câu thơ (câu văn).

***Bước 3:** Viết đoạn văn về CTVH (khoảng 7- 9 dòng) hướng vào yêu cầu của đề bài. Đoạn văn có thể bắt đầu bằng một câu ômở đoạnô để dẫn dắt người đọc hoặc trả lời thẳng vào câu hỏi chính; tiếp đó, cần nêu rõ các ý theo yêu cầu của đề bài: cuối cùng, có thể ôkết đoạnô bằng một câu ngắn gọn để ôgóiô lại nội dung cảm thụ.

Ta có thể trình bày đoạn CTVH theo 2 cách sau:

- Cách 1: Ta mở đầu bằng một câu khái quát (như nêu ý chính của một đoạn thơ(đoạn văn) trong bài tập đọc). Những câu tiếp theo là những câu diễn giải nhằm làm sáng tỏ ý mà câu khái quát (câu mở đoạn) đã nêu ra. Trong quá trình diễn giải, ta kết hợp nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn).

- Cách 2: Ta mở đầu bằng cách trả lời thẳng vào câu hỏi chính (Nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật góp phần nhiều nhất tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn). Sau đó diễn giải cái hay, cái đẹp về nội dung. Cuối cùng kết thúc là một câu khái quát, tóm lại những điều đã diễn giải ở trên (như kiểu nêu ý chính của đoạn thơ (đoạn văn) trong bài tập đọc.

Lưu ý: Đoạn văn CTVH cần được diễn đạt một cách hồn nhiên, trong sáng và bộc lộ cảm xúc; cần tránh hết mức mắc các lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu; tránh diễn đạt dài dòng về nội dung đoạn thơ (đoạn văn).

B.Bài tập

***Bài 1*:** Hình ảnh chị Nhà Trò trong mẩu chuyện Dế Mèn bênh vực kẻ yếu đã để lại trong lòng người đọc bao cảm thương. Hãy trình bày cảm nhận của em.

Gợi ý : Hình ảnh chị Nhà Trò được miêu tả qua các chi tiết :

+ Ngoại hình : bé nhỏ lại gầy yếu cánh non nớt lại ngắn chùn chùn.

+ Hoàn cảnh : mẹ mất sống thui thủi bị đe doạ : đánh vặt cánh vặt chân ăn thịt…

→ Chị là hiện thân của sự yếu đuối, bất hạnh và bị bóc lột trong xã hội.

- Cảm xúc của bản thân : thương cảm, xúc động.

Bài 2: Đoạn thơ *"Vì con mẹ khổ đủ điều*

Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn

Con mong mẹ khoẻ dần dần

Ngày ăn ngon miệng đêm nằm ngủ ngon

Rồi ra đọc sách cấy cày

Mẹ là đất nước tháng ngày của con".

"Mẹ ốm" Trần Đăng Khoa

Theo em, hình ảnh nào góp phần nhiều nhất làm nên cái hay của đoạn thơ trên ! Vì sao ?.

Gợi ý : + Hình ảnh "Mẹ là đất nước, tháng ngày của con" góp phần làm nên cái hay của đoạn thơ.

+ Nghệ thuật so sánh "Mẹ-Đất nước, tháng ngày"

+ Hình ảnh "Đất nước" "tháng ngày" cho thấy trong suy nghĩ của người con mẹ là tất cả những gì vĩ đại, lớn lao và cao quý không bao giờ thiếu được với mỗi con người.

+ Thấy được tình yêu thương lòng biết ơn vô hạn của con cái đối với mẹ.

+ Tình cảm của bản thân : Thêm thía công ơn của mẹ

***Bài 3*:** "Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì. Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra run lẩy bẩy.

Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia.

- Ông đừng giận cháu, cháu không có để cho ông cảô

("Người ăn xin" – Tuốc-Ghấ-Nhépô).

Trình bày suy nghĩ của em về nhân vật cậu bé được miêu tả trong đoạn văn trên.

Gợi ý :+ Hành động *"Lục tìm hết túi nọ túi kia"*

"Nắm chặt lấy bàn tay run rẩy"

+ Lời nói : *"Ông đừng giận cháu ..."*

→ Cậu bé là một con người có tấm lòng nhân hậu thương cảm và muốn giúp đỡ ông lão ăn xin nghèo khổ dù ông lão và cậu là hai con người ở hai hoàn cảnh khác nhau.

- ý nghĩa : Ca ngợi những con người giàu lòng nhân ái - Cảm xúc của bản thân : yêu quý – cảm phục – học tập.

Bài 4 : Đoạn thơ : *"Nòi tre đâu chịu mọc cong*

Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường

Lưng trần phơi nắng phơi sương

Có manh áo cộc tre nhường cho con"

"Tre Việt Namô Nguyễn Duy

Đoạn thơ trên có những hình ảnh nào đẹp. Nêu ý nghĩa đẹp đẽ của những hình ảnh đó.

Gợi ý : Hình ảnh măng tre "nhọn như chông" : Cho thấy sự kiêu hãnh, hiên ngang, bất khuất, bản chất ngay thẳng, khảng khái của :"nòi tre" → nghệ thuật so sánh.

+ Hình ảnh "lưng trần phơi nắng phơi sương" → gợi sự dãi dầu, chịu đựng mọi khó khăn của tre.

+ Hình ảnh "manh áo cộc tre nhường cho con" gợi sự liên tưởng đến sự che chở, hy sinh tất cả vì măng non của trẻ.

+ Thông qua những phẩm chất đáng quý của tre đến ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam, dân tộc Việt Nam : Kiên cường bất khuất, ngay thẳng chịu thương chịu khó → thể hiện tình yêu và lòng tự hào của nhà thơ đối với tre Việt Nam dân tộc Việt Nam.

+ Cảm xúc của bản thân : Yêu quý và tự hào .

Bài 5 **:** *"Nếu chúng mình có phép lạ*
Hái triệu vì sao xuống cùng
Đúc thành ông mặt trời mới
Mãi mãi không còn mùa đông"

"Nếu chúng mình có phép lạ"
-Đinh Hải

Đoạn thơ thể hiện những điều gì đẹp đẽ. Em có những cảm nhận gì khi đọc đoạn thơ trên.

Gợi ý : + Nghệ thuật liên tưởng

Biểu tượng "Ông mặt trời" gợi một thế giới ấm no hạnh phúc, đầy ánh sáng. Biểu tượng "Mùa đông" gợi sự lạnh lẽo, đói rét, nghèo khổ.

+ Cách dùng các động tự "hái" "đúc" thể hiện khát vọng của tuổi thơ muốn chinh phục vũ trụ bao la và các hành tinh xa xôi.

+ Đoạn thơ thể hiện sinh động ước mơ cao đẹp đầy tính nhân văn của tuổi thơ không còn đói rét nghèo khổ và bất công. Các em ước mơ một thế giới tốt đẹp đầy ánh sáng văn minh, ấm no và hạnh phúc.

Bài 6 *: Đoạn văn:* ôTuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, bọn trẻ mục đồng chúng tôi hò hét thi nhau thả diều. Cánh diều mềm mại như cánh bướm, chúng tôi vui sướng đến phát dại khi nhìn lên

trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, sáo kép, sáo bè như gọi thấp xuống những vì sao.

ôCánh diều tuổi thơô Tạ Duy Anh.

Trình bày cảm nhận của em khi đọc đoạn thơ trên ?

Gợi ý : Nghệ thuật : so sánh, dùng hình ảnh gợi tả : "Cánh diều mềm mại như cánh bướm", "vui sướng đến phát dại", "vi vu, trầm bổng".

+ Nhân hoá : "nâng" , "gọi"|.

+ Nội dung ca ngợi vẻ đẹp độc đáo của cánh diều và niềm vui ngộ nghĩnh đáng yêu của trẻ thơ.

+ Cảm xúc bản thân : Gợi nhớ kỷ niệm…

Bài 7 : *Tuổi con là tuổi Ngựa*

Nhưng mẹ ơi đừng buồn
Dẫu cách núi cách rừng
Dẫu cách sông cách bể
Còn tìm về với mẹ
Ngựa con vẫn nhớ đườngô

(« Tuổi Ngựa » Xuân Quỳnh)

Tác giả muốn nói điều gì qua đoạn thơ trên ?

Nêu cảm nghĩ của em !

Gợi ý:: Đoạn thơ là lời nhắn nhủ dễ thương, chứa chan bao tình cảm thân thương mà người con dành cho mẹ. Nhà thơ Xuân Quỳnh đã có cách diễn tả thật độc đáo. Người con "Tuổi Ngựa" dù đã khôn lớn, trưởng thành, đã bay đi muôn phương nhưng vẫn luôn nhớ về mẹ, hướng về mẹ, vẫn tìm về cố hương gặp mẹ dù xa cách muôn trùng núi, rừng, sông, biển.

"Dẫu cách núi…
…nhớ đường"

Cụm từ "vẫn nhớ" khẳng định một niềm tin, một tình nghĩa thuỷ chung son sắt. Đoạn thơ đậm đà, gợi cảm giúp ta cảm nhận được tình cảm của Xuân Quỳnh dành cho "Mẹ thật sâu nặng và đẹp đẽ".

+ Cảm xúc của bản thân

Bài 8: Đoạn thơ : *"Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi*
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh

Người các ấp tưng bừng ra chợ tết"

"Chợ Tết" - Đoàn Văn Cừ

Đoạn thơ trên miêu tả cảnh gì ? Nêu cảm nhận của em khi đọc đoạn thơ trên.

Gợi ý: Đoạn thơ là một bức tranh ngôn từ đầy màu sắc về khung cảnh tươi đẹp tráng lệ của một vùng quê vào buổi ôbình minhô. Trong ánh bình rực rỡ dải mây trắng ở đỉnh núi ôđỏ dầnô lên, những giọt sương mai long lanh như những viấn ngọc ôhồng lamô đang ôôm ấpô những nóc nhà giành nơi thôn ấp rồi con đường uốn lượn ôviấn trắngô nhưng mép đồi xanh. Đỉnh núi, nóc nhà, con đường… Tất cả đều mang màu sắc tinh khôi rực rỡ. Với óc quan sát tinh tế và cách sử dụng từ ngữ chính xác biểu cảm của nhà thơ, cảnh vật gần gũi quen thuộc của quê hương trở nên đẹp đẽ, sống động lung linh sắc màu. Qua đó ta cảm nhận tình cảm tha thiết của nhà thơ với quê hương.

Bài 9 : Đoạn văn : "Chao ôi ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bên cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thuỷ tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một canh lộc vừng ngả dài trên mặt hồ".

"Chú chuồn chuồn nước" Nguyễn Thế Hội

Nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn thơ trên ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

Gợi ý : Nghệ thuật so sánh

"Cánh mỏng như giấy bóng"

« Mắt như thuỷ tinh »

"Vàng như màu vàng của nắng mùa thu"

+ Nghệ thuật dùng hình ảnh gợi tả "lấp lánh" "long linh"

+ Cách dùng từ bộc lộ cảm xúc mạnh ôchao ôi!" .

+ Tác dụng : Cách so sánh vừa cụ thể vừa sinh động làm nổi bật hình dáng, màu sắc, vẻ đẹp hấp dẫn của chú chuồn chuồn nước.

+*"Chao ôi ... làm sao ! Bộc lộ" c*ảm giác thích thú của tác giả trước vẻ đẹp của chú chuồn chuồn → tình yêu cảnh vật quê hương của tác giả

Tuần 6

Thứ … ngày… tháng … năm 20…

Toán

Giải toán có lời văn (tiếp)

Bài 1- Trên một đoạn đường dài 780, người ta trồng cây hai bên đường, cứ cách 30m thì trồng một cây. Hỏi người ta đã trồng tất cả bao nhiêu cây ? (Biết rằng hai đầu đường đều có trồng cây)

Bài 2- Người ta cưa một cây gỗ dài 6m thành những đoạn dài bằng nhau, mỗi đoạn dài 4 dm, mỗi lần cưa mất 2 phút. Hỏi phải cưa bao nhiêu lâu mới xong?

Bài 3 - Một cuộn dây thép dài 56m. Người ta định chặt để làm đinh, mỗi cái đinh dài 7cm . Hỏi thời gian chặt là bao nhiêu, biết rằng mỗi nhát chặt hết 2 giây.

Bài 4- Một người thợ mộc cưa một cây gỗ dài 12m thành những đoạn dài 15dm. Mỗi lần cưa hết 6 phút. thời gian nghỉ tay giữa hai lần cưa là 2 phút. Hỏi người ấy cưa xong cây gỗ hết bao nhiêu lâu? (54 phút)

Bài 5 - Có một miếng đất hình chữ nhật có chiều rộng 15m, chiều dài 24m. Người ta dựng cọc để làm hàng rào, hai cọc liên tiếp cách nhau 3m. Hỏi để rào hết miếng đất thì cần phải có bao nhiêu cọc ?

Bai 6- Hùng mua 16 quyển vở, Dũng mua 9 quyển vở cùng loại và trả ít hơn Hùng 22400 đồng. Hỏi mỗi bạn đã trả hết bao nhiêu tiền mua vở ?

Bài 7 - Hiện nay bà 60 tuổi, bố 28 tuổi, mẹ 24 tuổi và con 2 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của bố, mẹ và con bàng tuổi của bà ?

Bài 8- Hồ thứ nhất chứa 1600 lít nước, hồ thứ hai chứa 1600 lít nước. Người ta tháo ra cùng một lúc ở hồ thứ nhất mỗi phút 30 lít nước và ở hồ thứ hai mỗi phút 10 lít. Hỏi sau bao lâu thì só nước còn lại trong hai hồ bằng nhau ?

Bài 9: Một giá sách có hai ngăn, số sách ở ngăn dưới bằng $\frac{5}{6}$ số sách ở ngăn trên. Nếu ngăn dưới bớt đi 11 quyển thì số sách ngăn dưới bằng $\frac{4}{7}$ số sách ở ngăn trên. Hỏi trên giá có bao nhiêu quyển sách?

Bài 10: Lớp 5A có số học sinh nữ bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh của lớp. Nếu lớp 5A bớt đi 2 bạn nữ thì số học sinh nữ bằng $\frac{1}{4}$ số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh?

Bài 11: Lớp 5A có số học sinh nữ bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh nam. Nếu hai bạn nữ chuyển đi và thay vào đó là hai bạn nam thì số học sinh nữ bằng $\frac{4}{7}$ số học sinh nam. Tìm số học sinh lớp 5A.

Bài 12: Có 8 sọt đựng tất cả 1120 quả vừa cam vừa quýt. Một sọt cam đựng được 75 quả, một sọt quýt đựng được 179 quả. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu quả?

Bài 13: Có 8 sọt đựng tất cả 1120 quả vừa cam vừa quýt. Một sọt cam đựng được 75 quả, một sọt quýt đựng được 179 quả. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu quả?

Bài 14: Tìm một số biết rằng số đó lần lượt cộng với 1 rồi nhân với 2 được bao nhiêu đem chia cho 3 rồi trừ đi 4 thì được 5.

Bài 15: Các lớp 4A, 4B, 4C chuyển ghế từ sân trường vào các phòng học. Cô giáo yêu cầu mỗi lớp phải chuyển $\frac{1}{3}$ số ghế. Lớp 4A đến sớm nhất và chuyển đúng $\frac{1}{3}$ số ghế. Lớp 4B đến sau tưởng chưa có lớp nào chuyển ghế nên chỉ chuyển đúng $\frac{1}{3}$ số ghế còn lại. Lớp 4C đến sau cũng tưởng chưa có lớp nào chuyển ghế nên chỉ chuyển đúng $\frac{1}{3}$ số ghế là 20 ghế. Hỏi lúc đầu trên sân trường có bao nhiêu ghế?

Thứ… ngày … tháng… năm 20….

Tiếng Việt: Ôn tập Trạng ngữ của câu

A - Nêu khái niệm về trạng ngữ

Là bộ phận phụ của câu, có tác dụng thêm nghĩa cho câu. Trạng ngữ bổ sung tình huống cho câu (chỉ thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân, phương tiện,...). Câu có thể có hoặc không có trạng ngữ. Trạng ngữ thường đứng ở đầu câu và ngăn cách với CN, VN bằng dấu phẩy. Câu có thể có một hoặc nhiều trạng ngữ. Các trạng ngữ có thể cùng một ý nghĩa hoặc có nhiều ý nghĩa khác nhau

***B - Bài tập*.**

Bài 1 : *Tìm CN, VN và TN của những câu văn sau* :

a) Vào một đêm cuối xuân 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà ven đường .

b) Ngoài suối , trên mấy cành cây cao, tiếng chim, tiếng ve cất lên inh ỏi, râm ran.

Bài 2 : *Tìm CN, VN, TN của những câu sau* :

a) Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói, tiếng cười rộn ràng,vui vẻ.

b) Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau toả hương.

c) Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm

Bài 3 : *Đặt câu theo cấu trúc sau :*

a) TN, TN, CN - VN.

b) TN, CN, CN – VN.

c) TN, CN- VN, VN.

d) TN, TN, TN, CN – VN.

e) TN, TN, CN, CN, - VN, VN.

Bài 4: Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho từng câu dưới đây:

a.... , Lan đã được nhà trường tặng giấy khen.

b. ... , anh ấy bị các chú công an tạm giữ xe máy.

c. ... , mấy tên lâm tặc chuyên phá rừng đã bị bắt.

d. ... , Lan không đi dự buổi sinh hoạt văn nghệ của trường được

Thứ …ngày … tháng … năm 20….

Toán

Luyện tập tổng hợp

ĐỀ KIỂM TRA

Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1: (2điểm)

a) Viết phân số $\frac{7}{12}$ dưới dạng tổng của các phân số có tử số bằng 1, mẫu số khác nhau.

b) So sánh các phân số (không quy đồng mẫu số hoặc tử số)

Bài 2: (2 điểm) a) Tìm y là số tự nhiên biết:

$123 + y \times 25 = 1123$ $\frac{6}{8} < \frac{1}{y}$

b) Tính nhanh:

$12 + 14 + 26 + 40 + 66 + 106 + 172 + 278 + 450$

$\frac{1}{3}+\frac{1}{15}+\frac{1}{35}+...+\frac{1}{9999}$

Bài 3: (2 điểm)

a) Cho số có 4 chữ số, nếu xóa chữ số 0 ở bên phải chữ số đó ta được số mới kém số đã cho là 1809 đơn vị. tìm số đã cho.

b) Mốt phép chia có thương bằng 9; số dư bằng 10. Tìm số bị chia, biết tổng của số bị chia, số chia và số dư bằng 130.

Bài 4: một hình chữ nhật có chu vi 2010cm.Tính diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng $\frac{1}{3}$ chiều dài thì bằng $\frac{1}{2}$ chiều rộng.

Bài 5. (3đ) Một hình chữ nhật có chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. Nếu bớt ở chiều dài 5cm và thêm vào chiều rộng 115 cm thì được một hình vuông. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật

ĐỀ KIỂM TRA

Thời gian làm bài 90 phút

Bài 1(2 điểm)

a. Phân số thứ nhất $\frac{14}{15}$, phân số thứ hai là $\frac{12}{17}$. Hãy tính tổng, hiệu, tích,thương của phân số thứ nhất và phân số thứ hai.

b. Không tính giá trị của biểu thức. Hãy viết biểu thức sau đây thành tích của một số với 9.

$$2 + 10 + 19 + 28 + 37 + 46 + 55 + 64$$

Bài 2:(2 điểm)

Cửa hàng rau quả có một số trái cây gồm: cam, quýt, chanh. Biết rằng số cam cộng với số quýt có 452 quả; số quýt cộng với số chanh có 609 quả; số cam cộng với số chanh có 367 quả. Hỏi tìm số quả mỗi loại trái cây có trong cửa hàng.

Bài 3:(2 điểm)

a. Tìm giá trị của biểu thức sau:

$$\frac{2006}{2009} \times \frac{2005}{2008} \times \frac{2008}{2007} \times \frac{2009}{2006} \times \frac{2007}{2010}$$

b.Không quy đồng mẫu số, hãy so sánh hai phân số:

$$\frac{2004}{2009} ; \frac{2005}{2010}$$

Bài 4:(2 điểm)

Lớp 4A có 35 học sinh.Biết rằng tổng của $\frac{1}{2}$ số bạn nam và $\frac{1}{3}$ số bạn nữ là 15 bạn. Tính số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A.

Bài 5:(2 điểm)

Một sân trường hình chữ nhật có chu vi 150m. Nếu thêm chiều rộng 5m và bớt chiều dài 5m thì diện tích sân trường vẫn không thay đổi. Tính diện tích sân trường?